

GIẢI VỀ PHÁP THANH-TỊNH

(VISUDDHI KATHĀ)

NAMATTHU RATANATTAYASSA

XIN HẾT LÒNG THÀNH-KÍNH LÀM LỄ ĐỨC
TAM-BẢO TÓM TẮT

Tất cả nhân-loại trong thế-gian, không cứ hạng người nào, ai cũng đều mong tìm sự yên vui, chẳng có ai bỏ vui mà tìm khổ.

Những người hằng ngày lo chuyên cần làm các nghiệp nghề, chỉ trông được sự vui sướng lâu dài, trăm triệu ngàn kể, cũng chỉ vì nhu-cầu hạnh-phúc.

Nghiệp nghề có nhiều thứ : Nghề khó, nghề dễ, nghề nặng, nghề nhẹ, nghề nhiều hoặc nghề ít ; theo thông thường của người trong mỗi xứ ; nghề nghiệp sanh nhai đại khái chỉ theo đường thủy và đường bộ.

Nghề nghiệp tuy nhiều, nhưng nói tóm lại chỉ có hai : Nghề lành và nghề dữ :

Nghề lành (Anavajjakamma) nhứt là lánh xa năm điều răn.

Nghề dữ (Sāvajjakamma) nhưt là phạm ngũ-giới cấm.

Người đời chỉ làm một trong hai nghề ấy. Trong hạng người làm nghề dữ, có kẻ biết rằng mình làm nghề dữ, nhưng vì sự nuôi sanh mạng hoặc cùng đường, nên vẫn làm càng. Có người vì tối-tăm, ngu dốt, không rõ nghề ấy là tội hoặc vì thói quen, không ai chỉ bảo, nên phải lầm lạc làm theo ý mình, không lòng ghê gớm.

Những nghiệp dữ hằng đem đến cho người các điều khổ-não, lo sợ, buồn rầu và than tiếc.

Việc chẳng lành, nhưt là : Sát-sanh mà người đã phạm rồi thì quả khổ sẽ vẫn-vít theo người như bóng tùy hình.

Lại nữa, tạo nghiệp dữ, thì người sẽ mang quả khổ, phải chịu nhiều điều đau thương khóc hại không sai, hoặc khi giữa đám đông người hằng có sự lo sợ ái-ngại, như các con bò có ghẻ trên lưng, hằng lo sợ quạ, ruồi bay theo mổ hút.

Nghiệp dữ là nhân sanh điều lo sợ khổ-não. Còn nghề lành là nhân sanh sự hạnh-phúc yên vui, làm cho thân tâm được mát-mẻ, tho-thời, cho nên chớ thiện-tín, mỗi khi làm việc gì, cần phải dè-dặt, xem xét cho chu-đáo. Nghiệp nào nên làm sẽ làm, chẳng nên quên ; vì nghề nghiệp là nguyên nhân đem đến sự lành, điều dữ cho mình.

Sự lành mà mình nên mong cầu ấy có nhiều thứ: Chung-sanh mà được tái-sanh làm người gọi là được vui-sướng hơn loài cầm-thú. Nhưng thông thường phàm nhơn, khi được vui thì hằng luyến-ái quên mất tánh chơn, đến nỗi sai lầm, làm những việc tội lỗi bạo-tàn, nên chi phải chịu nhiều điều thống-khổ. Vui trong ngũ-dục là vui vô-thường, gọi là: Vui tương-đối, hằng đi cặp với khổ, khi vui, khi khổ, chẳng phải cái vui bền-bĩ, dầu là vui trên cõi trời, thọ hưởng nhiều điều lạc-thú tự-nhiên, như là: Sống lâu, sắc đẹp, sang cả thì cũng gọi là vui vô-thường; vì cũng còn phải thọ-sanh nhiều đời, nhiều kiếp, mặc dầu sự vui ấy là được lâu dài, cao-thượng hơn ở thế-gian.

Nói tóm lại, sự vui ở trong cõi người, trong cõi trời và trong Niết-Bàn, vui trong hai cõi trước gọi là: Vui vô-thường, vui trong vòng khổ-não, vui theo hoàn-cảnh, nhưt là vui theo sắc-tướng mà thánh-nhơn thường hay ghê gớm. Vui trong cõi Niết-Bàn là vui tuyệt-đối, vui không lẫn lộn với khổ, là vui độc nhưt, vui ngoài vòng khổ não, vui yên lặng, xa lìa cảnh-giới, chẳng còn một mây chướng-ngại.

Khi chưa chứng quả Phật, còn mắc trong vòng sanh-tử, luân-hồi đã nhiều kiếp, đức Bồ-tát đã từng gặp biết bao điều vui sướng, nhưng sự vui ấy thường hay lẫn-lộn với sự khổ. Ngài hằng

suy xét đem so sánh với các cõi trong mỗi kiếp, chẳng thấy nơi nào có vui mà không khổ, như vui trong Niết-Bàn, cho nên Ngài năng chuyên cần lo tu-bồ pháp Thập-Độ, đã nhiều kiếp, để lánh khỏi sự vui tương-đối với khổ, hầu thọ hưởng cái vui vô cùng vô-tận.

Con đường tiếp dẫn chúng-sanh đến cõi yên vui tuyệt-đối là Niết-Bàn ấy gọi là con đường Thanh-Tịnh cả thân, khẩu, ý, mà được thành-tựu là nhờ có trí-tuệ sáng-suốt.

Những người không trau giồi thân, khẩu, ý, không sao đi đến nơi dứt khổ là Niết-Bàn được, cho nên hành-giả khi thấy tội lỗi trong ngũ dục, thấy phước-báu trong sự dứt bỏ ngũ dục, mong ra khỏi tam-giới, giải-thoát nạn luân-hồi, cần phải hết lòng tinh-tấn trong nghiệp lành.

Thân, khẩu, ý, được trong sạch đều đủ, trí-tuệ được hoàn-toàn sáng suốt, mới có thể thấy rõ Niết-Bàn.

Thiện-pháp là con đường mà các bậc trí-tuệ, nhưt là đức Phật đã hành-trình rồi, có nhiều chỉ không sao kể xiết.

Đây chỉ giải vắn tắt về pháp « Thanh-Tịnh » theo thứ tự từ thấp chí cao đến Niết-Bàn để làm kim chỉ nam cho hàng Phật-tử học tập và thật hành theo.

Tiếng « Thanh-Tịnh » nghĩa là trong sạch hoặc chơn-chánh. Những nhà đạo-sĩ xưa kia tưởng rằng : Pháp trong sạch ở chỗ tu khổ-hạnh, như ngâm mình trong nước, mùa đông, mỗi ngày ba lần, để dứt trừ phiền-não và làm cho mình trở nên thanh bạch.

Sự tu hành theo đạo-sĩ như thế chẳng phải là phương-pháp chơn-chánh, ấy là điều làm cho thân tâm mỗi một vô-ích thôi.

Tiếng « Thanh-Tịnh » (Visuddhi) trong chỗ này nói về cách hành-vi chơn-chánh, là phép làm cho thanh-tịnh thân, khẩu, ý, cho đến khi thành công đắc quả Niết-Ban, như thế, mới gọi là « Thanh-Tịnh ».



BẢY PHÁP THANH-TỊNH

- 1.— Thanh-tịnh vì sự trì-giới (Sīlavisuddhi).
- 2.— Thanh-tịnh vì sự sửa trị tâm (Cīttavisuddhi).

(Hai pháp thanh-tịnh này, thuộc về căn pháp
đề tu pháp Minh-Sát)

- 3 — Thanh-tịnh vì sự hiểu thấy chơn-chánh (Dīṭ-
thīvisuddhi).
- 4.— Thanh-tịnh vì sự dứt khỏi hoài-nghi (Kaū-
khāvitāranavisuddhi).
- 5.— Thanh-tịnh vì trí-tuệ thấy rõ là đạo hay chẳng
phải đạo (Maggāmaggaññānadassanavisuddhi)

6.— Thanh-tĩnh vì trí-tuệ thấy rõ cách thức tiến-hóa (trong 9 pháp Minh-Sát tuệ) (Paṭipadā-ññadassanavisuddhi).

7.— Thanh-tĩnh vì trí-tuệ thấy rõ thánh-đạo (Ñānadassanavisuddhi).

(Năm pháp Thanh-tĩnh này thuộc về cốt-tử của pháp Minh-Sát)

Theo đây, sẽ giải lần-lượt mỗi pháp Thanh-tĩnh như sau này,



PHÁP THANH-TỈNH THỨ NHỨT

Sự biết rõ giới có chi tiết là nhờ oai-lực của Đức Chánh-Biến-Tri, đã giác-ngộ trong thế-gian; Ngài là Giáo-chủ của chư Thiên và Nhơn-loại; Ngài chế định giới-luật khước lấp đã lâu đời rồi cho chúng-sanh thấy rõ rệt, dễ hiểu, có kỷ-luật, hiệp theo căn-cơ của chúng-sanh, tùy giai-cấp xã-hội, không chi trở ngại.

Ngài thuyết-giới chia ra làm nhiều chi tiết, vừa cho hàng cư-sĩ và xuất-gia thọ-trì, hầu ngăn ngừa các điều tội lỗi. Giới để phòng ngừa những tội sanh ra do thân và khẩu. Giới có thể làm cho thân và khẩu được trang nghiêm, lánh khỏi điều oan-kết, chỉ có tâm từ-bi đối với Nhơn-loại và cầm thú. Giới hằng sửa trị những người trong gia-tộc,

quen thói thô-lỗ xấu-xa, trở làm người có tư-cách tốt đẹp, đáng làm mô-phạm cho kẻ tương-lai.

Những người muốn thọ-trì giới được chững chạc trong sạch, cần phải có nhiều đức tín trong giới. Phải quý trọng giới như sanh mạng của mình, như có Phật ngôn rằng: « Người đời phải làm cho « giới được trong sạch, là điều trọng yếu, đều có « sự tai hại đến thân mạng mình, cũng không nên « phá: Thu-thức giới, là hạn chế thân, hầu không « cho phóng túng mà đức Thiên-Nhơn-Sư đã « truyền-giáo. (Pāṭimokkhamvīsodhentoappeva jivī- « tam jahe paṭṭattam lokanāthena na bhundesila- « samvaram) ».

Những người muốn hành đạo bậc thượng, trước hết, cần phải giữ giới mà mình đã thọ-trì cho trong sạch đều đủ, mới có thể tu lên bậc trên được.

Giới là hơi thở của nền Phật-giáo hoặc là pháp trọng yếu của người tu Phật.

Giới là căn sanh các pháp lành, là khuôn-mẫu đầu tiên, để phân biệt người xấu hoặc tốt, là bằng chứng là khí cụ, để nhìn nhận cho thấy khác hơn cầm thú.

Lại nữa, giới như món binh-khí để chiến thắng các phiền-não thô-thiền, có thể phá-hoại điều học được. Người trì-giới được trong sạch rồi,

gọi là : Có hơi thở dễ dàng, nghĩa là : Có thể hành-
đạo bậc trung và bậc thượng được, ví như nấc
thang lên đến nhà vậy.

Người có giới trong sạch, được lánh xa những
oan-kết và điều lo sợ, từ đây cho đến kiếp sau.

Giới là nơi dựa chứa các pháp lành, ví như
quả địa-cầu là nơi nương nhờ của tất cả nhơn-
loại, cùng cầm thú và thảo mộc.

Giới có nhiều chi, mặc dầu, cũng gom vào
trong bốn bậc sau này :

1.— **Giới thường** (Nīccasīla) là nói về ngũ-
giới mà các hàng thiện-nam tín-nữ già hoặc trẻ
đều nên thọ-tri hằng ngày, không hạn kỳ và pháp
thập-thiện là luật tại gia cư-sĩ.

2.— **Bát - quan trai - giới** (Uposathasīla) là
giới của phần thiện-tín có lòng muốn hành bậc
cao, theo hạn kỳ.

3.— **Thập-giới** (Atirekasīla) là giới để cho
Sa-di, Sa-di-ni hoặc hàng cư-sĩ A-na-hàm hoặc
phàm-nhơn tại gia có nhiều đức-tín, là giới cao-
thượng hơn ngũ-giới và bát-quan trai-giới.

4.— **Tứ thanh-tịnh giới** (Catuparīsuddhisīla)
là bốn giới, nhưt là bốn giới thanh-tịnh hoặc gọi
là biệt-biệt giải-thoát thu-thúc giới (Paṭimokkha-
samvarīsīla) cho chư Tỷ-khuru và Tỷ-khuru-ni.

Trong cả bốn phần giới đã giải, khi người đã nguyện thọ-trì phần nào, cần phải trau-giồi cho trong sạch, theo ba điều sau này :

- a) Không dám phá, hoặc rần gìn giữ giới không cho phạm điều học (Anapajjanam).
- b) Khi đã lầm lỡ phá giới rồi, phải nên mau sám-hối (Āpannavutthānam).
- c) Không để cho phiền-não phá hại (Kilesehi Appatipilanam).

Người đã thọ-trì giới được trong sạch rồi, nên tiểu-hành pháp thiên-định, gọi là pháp thanh-tịnh thứ nhì.



PHÁP THANH-TỊNH THỨ HAI

Giới ngăn ngừa các phiền-não thô-thiển ; định đề nén những tội lỗi bực trung nhưt là pháp cái (1). Cho nên hành-giả khi đã giữ giới được chín-chắn rồi, nên hành thêm pháp tham-thiền cho tâm trở nên trong sạch, càng lánh xa phiền-não. Pháp thanh-tịnh này đã có giải rộng trong pháp chánh-định ; đây chỉ giảng về hai pháp :

- 1) Sự hành-trình thường thường của cái tâm (Cittānuparīvatī).
- 2) Phương pháp trau-giồi cái tâm (Cittāparihara)

(1) Pháp cái là: Pháp che lấp con đường chánh-định có giải ra phía sau,

GIẢI VỀ SỰ HÀNH-TRÌNH THƯỜNG- THƯỜNG CỦA CÁI TÂM

Trong thế-giàu này, chẳng có chúng-sanh nào cao-thượng hơn loài người, cũng chẳng có cái chi quý trọng hơn cái tâm, chỉ có cái tâm là chủ-tể của toan cả thân-thể tứ-chi, có thể chủ trị xem xét các cửa; thân-thể và tứ-chi mà hoạt-động cũng đều do tâm bảo làm, dạy nói. Nếu tâm dữ thì làm việc dữ, nói lời dữ, tâm lành thì làm việc lành, nói lời lành.

Những nghiệp phước hay nghiệp tội mà thành-tựu được là nguyên nhân bởi tâm. Tâm thuộc về danh pháp, không hình, không sắc, song có thể biết các cảnh giới được rõ rệt. Tâm rất khó cho người đời trau giồi, sửa trị hơn các cái chi hết. Tâm có rất nhiều thái độ khác nhau; nhưng đây chỉ giải về bốn thái-độ của tâm :

- 1) Tâm hằng phóng-túng nghĩ-ngợi, tìm kiếm cảnh giới lạ hoặc cảnh giới đã quen.
- 2) Tâm hằng chuyển-động, trôi sụt tới lui rất mau lẹ, không ngừng nghỉ, không chi sánh bằng.
- 3) Tâm hay trạo-trục theo cảnh giới, trông các phương hướng, cũng không rõ-rệt, đến mắt của mình hoặc kẻ khác.
- 4) Tâm hằng nương ngụ trong nhà tức là thân tứ-đại.

Tâm là cái cực kỳ vi tế, không thể thấy được, luôn đến sự trau giồi cho nó an trú cũng rất khó, chỉ có bậc trí-tuệ mới sửa trị cái tâm trở nên an-lành được, như Phật ngôn đã giải trong pháp Cú kinh rằng: « *Bậc trí-tuệ hằng sửa trị dễ dàng, cái tâm khó thấy được, là cái rất tinh-vi, thường phóng túng theo hoàn-cảnh ưa-thích, song cái tâm mà n,ười đã tu-bồ rồi, hằng đem đến sự yên vui. Sududdūsam sunīpuñam yatthā kamanipatinam-cittam rakkhettha medhāvī cīttam guttam sukkhā-vaham*) ».

Tâm khi sanh cũng mau, mà khi diệt cũng lẹ, bắt lấy, chà xát cảnh-giới vô-độ không ngừng nghỉ. Tâm là cái hay toan tính tìm tòi cảnh-giới, là chủ trì của các sắc-pháp và danh-pháp.

Trong những cái biết rõ được cảnh-giới chỉ có tâm là lớn hơn danh-pháp khác, nghĩa là tâm là hướng đạo mở đường cho danh-pháp khác.

Tâm là căn-nguyên của những sự suy-nghĩ, tâm có khi dùng về âm-tính gọi là: « Cintā » cũng đồng ý nghĩa như tâm « Citta ».

Cintā chia ra làm ba loại:

1.— **Khảo sát tâm (Uhanacintā)** là cái tâm dấy lên hoặc phát lên trong thời đầu tiên; thuộc về cái tâm xem xét.

2.— **Nhận thức tâm (Vijānanacintā)** là cái tâm khi đã dấy lên đều đủ rồi, phát sanh sự hiểu

biết, dẫn cho biết thêm hơn một bực nữa, thuộc về cái thức, là sự biết nhiều thêm chút ít.

3.— **Phân biệt tâm** (Pajānanācintā) là cái tâm nối tiếp sanh sự hiểu biết rõ rệt hơn, là cái duyên, dẫn cho hiểu chắc chắn hơn trước ; thuộc về trí-tuệ ; là sự hiểu biết phân minh. Tâm này thường hay suy nghĩ tìm kiếm, tới lui không dứt, nghĩa là : Hăng có sự suy-nghĩ liên tiếp nhau luôn, không dứt như bánh xe chạy.

Trong thân thể người thường có ba thứ tâm ấy, song thường như không quen học hỏi không hay tu tập theo thánh-pháp, chỉ có hai cái tâm đầu thôi. Trừ những người năng học hỏi, hay tìm xét chơn-lý, mới có đều đủ ba thứ tâm như đã giải.

SỰ THÂN-CẬN CỦA TÂM

Lẽ thường cái tâm không thân-cận bực trí-tuệ đang xa sự học-hành, hăng phóng túng lay-động theo sự sai lầm cũng có, vọng chuyển tìm các cảnh-giới không hợp thời cũng có. Tâm không có pháp chánh-định kèm thúc thi hay buông-thả, không ngừng nghỉ. Tâm ấy, ví như trái bầu để trên lưng ngựa, hoặc nọc đóng xuống bùn, hay là như cử-chỉ của loài khỉ hoặc trẻ con.

Tâm ở không, không thân-cận pháp lành hoặc bậc thiện-trí-thức thì hăng duyên theo trần cảnh,

có khi lại trở thành tà-kiến, cũng có, thiếu đứ-tin, không có trí-luệ, cũng có. Sự hành trình của tâm thường biến động nhiều cách như thế.

Lại nữa, năm pháp cái là phiền-não bên trong như quân nghịch trong nhà dất-dấn rử-ren quàu nghịch hoặc các điều ô-nhiễm bên ngoài đến phá hại, làm cho tâm phóng-túng lăm-lạc. Tâm lúc đầu chưa có tùy phiền-não, ác-pháp vào khuấy rối, là tâm trong sạch, như Phật ngôn rằng: « *Nầy các* « *ông Tỳ-khưu ! tâm có hào-quang tia ra rất đẹp,* « *song trở thành dơ-bẩn vì bị tùy phiền-não mới* « *xáp-nhập vào. Nầy các ông Tỳ-khưu ! vì tâm* « *dơ-bẩn nên chúng-sanh cũng dơ-bẩn, vì tâm thanh-* « *tịnh chúng-sanh cũng trở nên thanh-tịnh theo* « *(Pakassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ cittasankilesā* « *bhikkhave sattā sankilissanti cittavodana bhik-* « *khave sattā visujjhanti) ».*

Phật ngôn ấy thanh-minh cho thấy rằng: « Các hàng chúng-sanh thường dơ-bẩn hoặc thanh-tịnh vì tâm đã thọ các điều tội khổ hoặc vui-sướng, hèn hạ hoặc cao sang, đều chỉ do tâm mà ra ».

Nếu tâm thường hành-vi thế nào thì thân, khẩu hẳn thật, cũng như thế ấy; Tâm hăng nường theo tứ-đại, như nhà là nơi đùm đậu của người đời, nhà tốt, xấu, lũng, dột cũng do nơi người; thân-thể khổ vui cũng do nơi tâm cả.

Lại nữa, sắc thân ví như thuyền, tâm như chủ thuyền, nếu chủ biết phép đi, thì đem ghe ra vào được dễ dàng, khỏi điều nguy-hiểm, nhược bằng chủ thuyền không thông thuộc cách thức hoặc dề-duôi, lưới biếng, chắc chắn, làm cho thuyền phải hư hao chìm đắm; hoặc dụng chạm thuyền khác làm cho thất lợi cũng có.

Tâm là chủ-tể mà người đã giáo-hóa được thuần-thục rồi, thì thân được yên vui, thêm điều lợi-ích, từ đây đến kiếp sau, bằng không trau-giồi cho chính chắn, thì thân bị trầm-luân biển khổ, chịu nhiều điều khốc-hại nặng nề.

VẬT-THỰC CỦA TÂM

Tâm của phàm nhơn hằng đòi khát vật-thực; là các ác-pháp. Trong các ác-pháp nhưt là pháp cái là vật-thực của tâm về phần tội, còn về thiện-pháp có ba món (1) và pháp Tứ-niệm-xứ là vật-thực của tâm lành, cũng như thực-phẩm độ thân. Người nghèo hèn sắp đặt thực-phẩm để dùng, không mấy gì sạch sẽ vén khéo, thường dùng thực-phẩm thô-thiền hèn hạ gặp đâu dùng đó, người giàu sang hoặc có tính ưa thích sự cao quý, hay dùng những thực-phẩm để cho sắc thân thể nào; vật-thực để cho tâm cũng mừng-tượng như

(1) Bố-thí, tri-giới, thiên-định.

thể ấy. Nghĩa là thực-phẩm hèn-hạ thường làm cho thân khổ cực sinh bưng, ầu-lả, mất sức; thực-phẩm sạch sẽ hay làm cho thân-thể vui sướng thêm phần tráng-khiến.

Tâm của các ác-nhơn phạm, phần nhiều đòi khát, vật-thực thô-thiền nhưt là năm pháp cái ít hay lựa lọc. Tâm của thiện-nhơn phạm thường chọn lựa thực-phẩm sạch sẽ tốt đẹp là pháp chánh-định. Tâm khi nếm mùi thực-phẩm ô-nhiễm là pháp cái thì hằng mang tội khổ nhiều đời, nhiều kiếp. Nếu Tâm được cấp dưỡng sạch-sẽ là các thiện-pháp thì sẽ dứt khổ, đến chốn yên vui tuyệt-đối là Niết-Bàn, không sai.

Chúng-sanh mắc vào vòng luân-hồi sanh-tử, trong thế-gian, chịu nhiều sự thống khổ, vì : Sanh, lão, bệnh, tử, biệt ly, chẳng phải do nguyên-nhân nào khác, chỉ vì bị nghịch pháp trong tâm, là : pháp cái tùy phiền não.

Phiền-não hằng ngăn bít, che án trí-tuệ của chúng-sanh, cho giảm sức hoặc cho tâm tối-mê, lầm lạc trong bánh xe luân-hồi, thương tiếc, quyến-luyến trong ba cõi, không lòng nhàm-chán sự : Sanh, lão, bệnh, tử, không cho thấy rõ pháp diệu-đế, đạo, quả và Niết-Bàn, gọi là pháp cái có năm thứ :

1.— Tham-dục (Kāmacchanda) là sự tham muốn, ưa thích vì năng-lực của sáu thứ phiền-não

là : tình-dục (rāga), xan tham (lobha) (là ham muốn, giữ chắc không buông rời ra), nguyện cầu (iccha), ganh gổ (issī), không hoan-hỉ (arati), không tri-túc (assantutthi). Sáu phiền-não ấy phát triển lên một cách mãnh-liệt vì quyến-luyến theo vật-dục ngoại trần. Các phiền-não này, khi sôi nổi mạnh mẽ trong tâm thì làm cho người phải tối mê, không thấy rõ tội, phước, quấy, phải, như nước lặn lộn với các màu sắc, không thể soi thấy bóng được. Tham-dục này phát sanh vì thấy sắc cho là đẹp.

2.— **Oán-ghét** (Byāpāda) là thù hận đối với cảnh-giới không vừa lòng. Phiền-não này khi đã sanh hằng làm cho tâm nóng nảy, bực tức xôn xan, làm cho người phải rung-rẩy, đỏ mặt, múa tay, ra dáng dữ tợn khác thường, sanh ra cừ-oán, che án trí-tuệ không cho thấy rõ tội, phước như nước đang sôi, không có thể soi thấy bóng được. Thù oán này phát sanh vì sự uất-ức trong tâm, hoặc không vừa lòng đối với sự vật

3.— **Dãi-dãi, hôn trầm** (Thīnamiddha) là sự thối-chuyển, hôn mê. Phiền-não này phát sanh làm cho tâm dãi-dươi, biếng-nhác, tiêu-tụy, thân-thể tứ-chi bại-hoải, tâm thức mỗi mệt, không có thể làm tròn phận sự được, như nước bị các thủy-thảo che án, không có thể soi thấy bóng được. Sự dãi-dãi hôn trầm phát sanh do không hoan-hỉ,

không vừa lòng đối với cái công việc.

4.— **Phóng-túng**, hối hận (Uddhaccakukkuc-ca) là tâm buông thả, giận mình đã làm việc ác, hoặc buông lung theo các cảnh-giới vô-ích. Phiền-não này, khi phát sanh làm cho tâm trời-sụt, không ngừng nghỉ, như nước bị gió thổi thành sóng lưỡi búa, không có thể soi thấy bóng được. Sự phóng-túng phát sanh vì tâm không yên-lặng (Cetasoavupasamo).

5.— **Hoài-nghi** (Viccikicchã) là sự ngờ-vực, không tin chắc. Phiền-não này khi phát sanh làm cho tâm nghi-ngại không quyết-định, không theo bên nào, như nước đục, hoặc có cặn cào, không có thể soi thấy bóng được. Phiền-não này phát sanh do không ghi nhớ trong tâm theo phương-tiện (Ayonisomanasikāra).

Cả năm pháp đã giảng-giải là cảnh-giới của tâm hoặc là thực-phẩm của phạm tâm.

Lại nữa, tâm của chúng-sanh thường quyến-luyến, không lìa khỏi tam-giới, nên chi hằng phải sanh-sanh, tử-tử vô-lượng vô-biên kiếp, cũng vì năm pháp cái ấy.

GIẢI VỀ SỰ DUY-TRÌ CÁI TÂM

Phép trung-đạo của Đức Phật, để trau-giồi, uốn-sửa cái tâm cho ra chơn-chánh, không lầm-lạc, cho trở nên trong sạch, thoát-ly pháp cái ấy

gọi là pháp « Thiên-Định », nghĩa là phép làm cho tâm an-tĩnh trong một cảnh-giới lành.

Đức Chánh-biến-tri thuyết ra nhiều phương-tiện để sửa trị cái tâm cho trở nên ngay lành, tránh xa pháp cái, gọi là phép niệm, có chia ra nhiều phần khác nhau, cho hợp theo đặc tính của chúng-sanh, ngộ hầu chiến thắng quân nghịch là pháp cái ấy.

Phép niệm tóm tắt có hai : Tham-thiền và Minh-sát. Nghi-thức niệm-tướng cho tâm khẩn-khít an-trú trong đề-mục như phép Cá-si-ná (Kasina) (1) hoặc vật bất-tĩnh là pháp đề buộc rịt, cái tâm, phải niệm-niệm, cho trở nên yên lặng, vững-vàng trong một cảnh-giới, không cho phóng-tung theo ngoại cảnh.

Phép tham-thiền chia ra làm 7 phần :

- 1) 10 đề mục cá-si-ná (Kasina).
- 2) 10 đề mục bất-tĩnh (Asubha).
- 3) 10 đề mục niệm-niệm (Anussati).
- 4) 4 đề mục pháp bậc cao nhân (Brhamavihāra)
- 5) 4 đề mục thiền vô sắc (Arūpajjhāna).
- 6) 1 đề mục thực-phẩm ô-trược tướng (Ahārap-patīkūlassaṇṇā).

(1) Kasina, nghĩa là đề mục thiền-định dùng màu sắc làm cảnh-giới (xem trang pháp chánh-định).

7) 1 đề mục tưởng về tứ-đại trong thân-thể
(Catuddhātuvavaṭṭhāna) (1).

Tất cả phép tham-thiền ấy đều là phương tiện để sửa trị cái tâm cho trong sạch như thuốc để chữa các thứ bệnh. Bệnh phát sanh nơi thân-thể có nhiều thứ, thuốc cũng phải có nhiều vị, để chuyên-trị các thứ bệnh ấy. Ví như tham-thiền có nhiều pháp, cũng chỉ để trau-giồi cái tâm cho khỏi bệnh là các pháp cái tùy phiền-não (Nivaranūpak-kilesa) cũng như thế ấy.

Cách thức thông hiểu do trí-tuệ biết rõ thánh-đạo là biết chắc, thấy chắc các danh-sắc đều mắc trong 3 tướng (2) gọi là : pháp Minh-sát. Đây chỉ giải tóm tắt trước về pháp tham-thiền, là phương pháp làm cho tâm trở nên im-lặng sau này :

Những người có tính tham-dục nhiều, nên tham-thiền về đề mục bất-tịnh (Asubha) hoặc đề mục niệm thân-thể (Kāyagatāsati) ; tâm nặng về tính thù oán (Byāpāda) nên niệm đề mục « bậc cao nhâu » (Brahmavihāra) ; tâm nặng về tính hôn trầm (Thīnamiddha) nên niệm 10 đề mục niệm niệm (Anussati) ; tâm nặng nề tính phóng-tâm, nên niệm đề mục niệm sự chết (Maranānu-sati) hoặc cá-si-ná (Kasina) ; tâm nặng về tính

(1) Vô thường, khổ não, vô ngã.

(2) Xin xem thêm trong phép Chánh định.

hoài-nghi, nên niệm đề mục quán từ - đại trong thân-thể (Catuddhātuvavat!hāna).

Sự tham-thiền phải hiệp theo đặc tính của hành-giả như thế.

Trong Mēghiya kinh, Đức Chánh-biến-tri giải về sự thoát khỏi pháp cái tùy phiền-não, do hành phép tham-thiền chơn-chánh, trong sạch, cần phải hành theo năm điều sau này :

- 1) Phải là người thân-cận thiện-hữu, không có ác-hữu (Kalyāṇamitto),
- 2) Phải trì-giới cho trong sạch theo địa vị mình; dầu là về phần giới nào (Sīlavā).
- 3) Phải có lời nói trong sạch theo 10 điều (1) (Abhisallekhikākatthā).

(1) Mười lời nói lành (Kathā-vatthu) là :

- 1) Appichakathā : Lời nói làm cho phát sanh sự ham muốn ít.
- 2) Sanduṭṭhikathā : Lời nói làm cho phát-sanh sự biết đủ (tri-túc).
- 3) Pavivekakathā : Lời nói làm cho phát-sanh sự yên-lặng.
- 4) Asaṃsaggakathā : Lời nói không cho có sự quyến-luyến.
- 5) Viriyarambhakathā : Lời nói làm cho phát-sanh sự tinh-tấn.
- 6) Silakathā : Lời nói làm cho giới được trong sạch.
- 7) Samādhikathā : Lời nói làm cho phát sanh thiền-định.
- 8) Puññākathā : Lời nói làm cho phát-sanh trí-tuệ.
- 9) Vimuttikathā : Lời nói làm cho phát-sanh sự giải thoát.
- 10) Vimutti nānadassanakathā : Lời nói làm cho phát sanh trí-tuệ thấy rõ sự giải-thoát.

- 4) Phải hằng tinh-tấn phần khởi trong sự dứt bỏ tội lỗi và sự tăng-tiến trong việc phước đức (Araddhviriga).
- 5) Phải có trí-tuệ sáng suốt trong sự quan-sát năm uẩn theo trạng-thái sanh và diệt (Paññāvā).

Khi đã an-trú trong năm điều trên rồi, nên hành thêm bốn phép này :

- 1) Phải niệm đề mục bất-tịnh để trừ tham-dục (Asubbā bhāvetabbā rāgassa pahānāya).
- 2) Phải niệm phép từ-ái để trừ thù-oán (Mettābhāvetābba byāpādassa pahānāya).
- 3) Phải niệm số tức-quang để trừ ba tà-tư-duy (I) (Ānāpanassati bhāvetabbā vitakkupacchedāya).
- 4) Phải niệm phép vô-thường tướng (Anicca-sāñña) để diệt sự cố chấp (Asmimāna) (Aniccasañña bhāvetabbāasmimānasamugghātāya).

Lại nữa, hành-giả phải hạn chế cái tâm trong bốn nơi :

- 1) Hạn chế không cho tâm ham muốn trong cảnh-giới phát-sanh sự ham muốn.

(I) Tà-tư-duy : Suy-nghĩ về thù-oán, làm khổ và phá hại chúng sanh.

- 2) Hạn chế không cho tâm hờn giận trong cảnh-giới phát-sanh sự hờn giận.
- 3) Hạn chế không cho tâm lằm-lạc, quên mình trong cảnh-giới phát-sanh sự tối-tăm lằm-lạc.
- 4) Hạn chế không cho tâm sa-mê trong cảnh-giới phát-sanh sự sa-mê.

Hành-giả muốn gìn giữ cho tâm an-trú lành, nên cần-thận không cho tâm mắc vào bốn cảnh-giới đã giải.

Lại nữa, sự thu-thúc tâm có ba điều là :

1.— Thu - thúc lục - căn (Indrisamvara). Khi nhãn tiếp xúc với sắc thì phát-sanh sự biết, gọi là nhãn-thức (Cakkhuvinnāṇā), nếu sắc vừa lòng thì sanh sự ham muốn, bằng không hiệp ý thì sanh sự ghét giận. Tiếng « thu-thúc » nghĩa là hạn chế tâm không cho phóng-túng, không cho phát-sanh sự ham muốn ghét giận trong khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân đụng chạm, ý nhận biết pháp-trần. Phải làm cho có trí nhớ và biết mình. (Satisampajañña) hằng an-trú trong lục-căn, như người giữ cửa.

2.— Phải dùng phương-tiện ghi nhớ pháp tham-thiền (Kammaṭṭhānāmanasikāro) hiệp theo đặc tính của mình.

Người có tính nhiều tham-dục nên tham-thiền 11 đề : (10 đề bất-tịnh và đề niệm theo thân-thê).

Tính nhiều hờn-giận nên niệm 8 đề : 4 đề pháp
bậc cao nhân và sắc trắng, vàng, xanh, đỏ.

Tính nhiều si-mê nên niệm hơi thở. Tính
nhiều đức-tin, nên niệm 6 đề niệm Phật, Pháp,
Tăng, giới, bố-thí và pháp của chư-thiên.

Tính nhiều trí-tuệ nên niệm 4 đề sự chết, Niết-
Bàn, tứ-dại trong thân-thể và thực phẩm ô-trược.

Còn lại 10 đề là : đất, nước, gió, lửa, hư-
không, lô trống và 4 đề thiền vô-sắc, đều hiệp
theo đủ cả tính-nết. Những người hay suy-nghĩ
nhiều phải làm vòng Cá-si-ná (Kasina) cho nhỏ ;
người có tính si-mê nhiều phải làm vòng Cá-si-
ná (Kasina) cho lớn (1).

Phải thường thường hành pháp minh-sát niệm
(Vipassanā bhāvanāyogo) nghĩa là : Tùy thời tu
pháp minh-sát thêm nữa.

Khi đã tham-thiền mà tâm được im lặng, lánh
xa khỏi pháp cái tùy-phiền-não, cho vừa hành
pháp Minh-sát rồi, nên dùng danh sắc để quan-
sát theo 3 tướng (vô-thường, khổ-não, vô-ngã).

Bốn pháp nên hành, bốn nơi phải hạn chế và
ba điều thu-thúc như đã giải là điều phương-tiện
quí trọng trong sự sửa trị cái tâm cho trở nên
mềm mại, sẵn dành để hành pháp tham-thiền.

(1) Xin xem trong pháp chánh-định

Pháp tham-thiền chia ra làm ba bậc định tâm :

1.— Thiền-định phát sanh trong khi ngồi thiền hoặc nghe pháp, tâm im-lặng, an-tịnh trong cảnh-giới, rồi trở lại liền. Có khi hành-giả là người nhiều duyên tốt phước, tham-thiền hoặc nghe pháp, tâm có thể đắc đạo quả trong thời ấy, cũng có. Thiền-định phát sanh trong chốc lát như thế gọi là « Định nhứt thời » (Khanikasamādhi).

2.— Thiền-định phát sanh trong chỗ tọa-thiền, tâm im-lặng, xa khỏi cảnh-giới, tốc lực tâm gần nhập-định trong thời ấy, gọi là : « Cận-định » (Upacārasamādhi).

3.— Thiền-định phát sanh do ngồi thiền, tốc lực tâm trong sạch an-tịnh, khẩn-khít trong bốn bậc thiền (sơ-thiền, nhị-thiền, tam-thiền, tứ-thiền), có thể đè uén pháp cái cho yếu, giảm sức lực như đá đè cỏ, gọi là « Nhập-định » (Appanāsamādhi).

Trong cả ba bậc thiền ấy, nếu hành-giả thường hành được một thiền nào : đề tu pháp minh-sát, gọi là : « Pháp Thanh-tịnh vì sửa trị cái tâm » (Cittavisuddhi).

Cả hai pháp Thanh-tịnh như đã giải gọi là : Căn-pháp đề tu pháp Minh-sát.



PHÁP THANH-TỊNH THỨ BA

Hành-giả tinh-tấn, muốn cho giới, định hoàn-toàn và mong được sự quả báo cao-thượng thêm, nên tu pháp minh-sát cho trí-tuệ càng thêm tăng-trưởng, hầu quán-sát về danh-sắc, lục nhập, tứ-đại, lục căn, có tướng nên quan sát ; nên quán-tưởng cho thấy rõ là cái vô-thường, khổ-não và vô-ngã, rằng : Các pháp nhưt là danh-sắc, lục-nhập, tứ-đại, lục-căn, mà các bậc A-Xà-Lê gọi là : Cảnh-giới của trung-tâm pháp minh-sát.

Tiếng « Danh-sắc » (Saṅkhāra) nghĩa là trạng-thái hoặc những cái chi do duyên hòa hợp của nguyên chất tạo-tác ra, ví như thân hình của con người và của cầm thú mà có ra là do sự hòa hợp của tứ-đại vì cái duyên của nghiệp lành hoặc dữ ; cho đến nhà cửa, xe cộ mà có ra cũng do sự phối-hợp các vật-liệu, nhưt là cây và sắt, mà cũng nhờ người thợ làm là duyên. Tất cả cái ấy gọi là danh-sắc. Cho nên các bậc A-xà-lê chia danh-sắc ra làm hai phần :

1.— **Hữu-tình thế-gian** : (Upādinna-kaṣaṅkhāra) là danh-sắc có danh-pháp là : thọ, tưởng, hành, thức là chủ vào trụ-trì.

2.— **Vô-tình thế-gian** : (Anupādinna-kaṣaṅkhāra) là sắc không có danh-pháp là chủ vào trụ-

tri, chỉ nói về toàn cả đất, nước, cây, rừng, sỏi, đá, loại kim.

Cả hai phần danh-sắc ấy, dầu có chu-vi lớn, nhỏ, rộng, hẹp, lối, xấu khác nhau đến đâu, cũng đều có ba tướng : Vô-thường, khổ-não, vô-ngã, không qua khỏi ba tướng ấy.

Lại nữa, sự hội hiệp năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), cũng gọi là danh-sắc (1).

Vậy danh-sắc hội hiệp năm uẩn và danh-sắc trong trung-tâm năm uẩn khác nhau thế nào? Lối hỏi này đối với bậc lão-thành hằng quan-sát châu-đảo, mới có thể trả lời bằng một cách mau lẹ được.

Đây xin giải tóm tắt rằng : 1) Danh-sắc hội- hiệp năm uẩn thuộc về quả quá-khứ, là quả của cái nghiệp đã tạo ra trong các kiếp trước. 2) Danh-sắc trong trung-tâm năm uẩn thuộc về nhân hiện tại và nhân vị-lai, là dấu tích của tâm-vương và tâm-sở đang suy nghĩ tìm tòi cảnh-giới trong thời hiện tại, tìm xét lược lặt cảnh-giới để dành lại trong thời vị-lai.

Tất cả danh-sắc, dầu hữu-tình thế-gian hoặc vô-tình thế-gian, danh-sắc hội- hiệp năm uẩn, hoặc danh uẩn thứ tư trong trung-tâm năm uẩn, tất cả danh-sắc ấy, không qua khỏi ba tướng là :

(1) Cũng gọi là hành-vi tạo-tặc.

- 1) Vô-thường, có đặc tính, có thể nhìn nhận thấy biết là không thường.
- 2) Khổ-não, có đặc tính, thấy biết là khổ.
- 3) Vô-ngã, có đặc tính, thấy biết, chẳng phải là ta.

Tiếng nói « Vô-thường » ấy là không ở an một mực, hằng biến đổi khác nhau, nghĩa là trước hết sanh ra rồi nữa chừng biến đổi, sau rốt lại tiêu-diệt; như trước hết, nhỏ, từ nhỏ đến lớn; trước hết trẻ, từ trẻ đến già, từ già đến chết, từ chết đến sanh, trở đi lộn lại, luân-chuyển thường hoài, không dứt.

Trong thời-gian trăm tuổi, danh-sắc ấy cũng mang bệnh hoạn, theo thời tiết, vì nghiệp-quả thường tình của chúng-sanh.

Lại nữa, trong kinh chú-giải có giảng vô-thường, khổ-não, vô-ngã mỗi phép đều có 4 nguyên-nhân.

Tiếng vô-thường do bốn nguyên-nhân là:

- a) Sanh và diệt theo lẽ khác nhau (Uppādava-yavattito).
- b) Thay đổi, không thường, theo lẽ tự nhiên (Vipariṇāmato).
- c) Chịu theo thì tiết, như vật mượn của người (Tāvakālikato).

d) Phản-đối với cái thường - tồn (Niccappatikkhepato).

Sự biến đổi thay hình khác thường của danh-sắc như thế là bằng chứng để phân biệt cái vô-thường.

Chúng-sanh phải ở dưới quyền sự khổ. Tiếng nói danh-sắc là khổ, là chỉ về sự ở đời hằng phải mang nhiều nỗi khó khăn bức-tức, rần nhần-nhục lắm mới nhìn được cái quả của sự : Sanh, lão, bệnh, tử. Cả bốn thứ ấy là khổ lớn lao, là căn-sanh các sự khổ khác như khổ về : đói, khát, lạnh, nóng, nọc-nội, đại-tiểu, tiện, sự sanh-hoạt để nuôi mạng sống, sự chia lìa không hợp ý, cũng đều là khổ.

Hạng thường như không hay học hỏi, hoặc chưa được nghe pháp cao-thượng, khi gặp cảnh nghịch đê-nén, thì không thể dùng trí-tuệ, hoặc trí nhớ để giải đáp câu hỏi ấy cho thấy phân-minh cái căn-sanh, hột giống của sự khổ được. Phần đông đành bó tay chịu phép với câu hỏi của sự khổ cho đến cùng, chỉ biết rầu lo, than khóc thôi ; như thế gọi là không phương đối đáp, như con thú chỉ biết rượt theo cục đất, hoặc khúc cây của người ném nhắm mình nó thôi, chẳng rõ nguyên-nhân của cục đất, hoặc khúc cây ấy. Các bậc thánh-nhơn, như đức Phật là bậc có trí-tuệ cao-siêu đã quán-sát rớt-ráo, dò xét kỹ càng,

suy đi xét lại theo phép thập-nhị duyên-khởi (Pa-
ṭiccaṣamuppādadhamma) tìm thấy căn-sanh của sự
khổ một cách rõ rệt và đã đào bứng căn-sanh ấy
chẳng cho dòng giống sự khổ phát sanh ra nữa
được.

Điều mà đức Chánh-biến-tri, quan-sát tìm xét
thấy rõ căn-sanh của sự khổ, trong pháp thập-nhị
duyên-khởi, được phân-minh ấy gọi là : Đức Phật
đã giải đáp câu hỏi của sự khổ được hoàn-toàn
tự-lại.

Khổ do 4 nguyên-nhân :

Tiếng « khổ » hảng rõ rệt do 4 nguyên-nhân là :

- 1) Khổ làm cho nóng nảy cả châu thân (San-
tāpato).
- 2) Khổ làm cho phát-sanh sự khổ nhiều thứ
(Dukkato).
- 3) Khổ là chỗ, là nơi chứa khổ (Dukkavatthu-
kato).
- 4) Khổ là sự phản-đối với vui (Sukhappatikkhe-
pato).

Năm uẩn là món nặng nề làm cho nóng nảy
bực bội, cho nên gọi là khổ.

Tiếng danh-sắc mà gọi là « vô-ngã » ấy nên
hiểu : « Chẳng phải là thân-thể của ta », nghĩa là :
Khi danh-sắc sanh ra rõ rệt rồi, chẳng có cái chi

trọng đại hơn danh-sắc ấy, mặc dầu có tâm-thức nương dựa trong trung-tâm danh-sắc, cũng chẳng có thể lực cấm ngăn, giữ gìn được.

Vô-ngã (Anattā) nghĩa là chẳng phải « ta » hoặc « chẳng có quyền chủ-tể », là khi danh-sắc bị tai nạn, bình tật, ta không có thể nói: Xin cho danh-sắc ta mạnh khỏe, xin cho đừng có bình hoạn, nạn tai, sự cầu xin như thế cũng vô ích, vì không sao được như nguyện. Trong « vô-ngã kinh » đức Phật có thuyết-pháp độ nhóm năm anh em Kiều-trần-Như rằng: « *Nây các ông Tỷ-khưu! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thân ta đâu, nếu thật là thân ta, thì nó không phải chịu sự bình hoạn ốm đau* ».

Vô-ngã do 4 nguyên-nhân:

Tiếng « vô-ngã » hăng rõ rệt do 4 nguyên-nhân là :

- 1) Rỗng không, không có chi là quý-trọng (Suññato).
- 2) Không người chủ-tể (Assamikato).
- 3) Không người hoặc không vật chi là lớn, chủ-trì được (Anissārato).
- 4) Tương-phản với ngã (Attappatikkhepato).

Hành-giả tu pháp minh-sát, khi dùng danh-sắc là năm uẩn, để quan-sát theo ba tướng như

đã giải, nên phân năm - uẩn ra làm hai : « sắc » « danh », cho thấy khác nhau, ví như trống và tiếng trống, đến khi nương lẫn nhau mới có thể thành-tựu ; nghĩa là : Danh dùng sắc làm nơi nương dựa, sắc nương theo danh để nhờ khí lực ; như thuyền nương theo sức người, người nương theo thuyền mới có thể đi tới lui được ; hoặc ví như hai người, một người mù, một người cùm, nương lẫn nhau. Cho nên đến khi sắc và danh nương nhau rồi, mới gọi là : thú, người, trời, đều do sự « mệnh danh » thôi ; chớ chẳng phải là thật tướng.

Trí-tuệ của hành-giả thấy rõ, ghi chắc rằng : Thú, người, trời, đều chỉ là danh và sắc, là tứ-đại thôi, chẳng phải là cái thường-tôn yêu vui dâu, rồi đoạn tuyệt sự quyến-luyến, thương yêu, đối với thú và người ấy ra, quan-sát tìm lấy Niết-Bàn làm cảnh-giới. Trí-tuệ trong sạch chơn-chánh, vì thấy rõ như thế gọi là : « Thanh-tịnh vi chánh-kiến » là cốt-tử của pháp minh-sát.



PHÁP THANH-TỊNH THỨ TƯ

Hành-giả khi đã tu pháp « Chánh-kiến trong sạch » được tròn đủ rồi nên niệm pháp minh-sát để tìm nhân-duyên của danh-sắc là căn-nguyên

phát-sanh sự khổ, ví như các bậc danh-y, thiện-nghệ trong sự khán bệnh, khi đã thấy rõ chứng bệnh, nên tìm xét chỗ khởi nguyên sanh ra bệnh, thế nào, hành-giả tinh-tấn tu pháp minh-sát, khi đã thấy rõ danh-sắc rồi, nên tìm kiếm nhân và duyên của danh-sắc thêm nữa, cũng như thế ấy.

Lại nữa, những người nam nữ sẵn lòng tế-độ, khi thấy trẻ con nằm ngửa bên đường, bèn lo tìm kiếm cha mẹ của đứa trẻ ấy và tự nói rằng: Đứa trẻ này là con nhà ai? Điều này ví như hành-giả quan-sát tìm kiếm nhân-duyên của danh-sắc, khi thấy rõ nhân và duyên của danh-sắc được đều đủ rồi, thì hết sự hoài-nghi (Kankhi) đối với danh-sắc trong tam-thế.

NHÂN VÀ DUYÊN CỦA DANH-SẮC

Pháp về nhân-duyên của danh-sắc có mấy phần? Danh-sắc nương dựa với cái chi mới sanh ra dặt?

Pháp về nhân-duyên của danh-sắc có năm phần:

- 1) Vô-minh (Avijjā) là không có thể biết rõ pháp Tứ-diệu-đế là điều thật.
- 2) Ái-dục (Tanhā) là ham muốn khao-khát, mong mỏi trong cảnh-giới ham muốn.
- 3) Cố-chấp (Upadāna) là tâm giữ chắc nắm uần.

- 4) **Nghiệp** (Kamma) là việc lành, việc dữ, là pháp dẫn dắt, lôi kéo chúng-sanh luân-hồi trong thế-giới.
- 5) **Thực-phẩm** (Ahāra) có ý vị để định dưỡng thân-thể.

« Vô-minh, ái-dục, thủ, nghiệp » cả 4 pháp ấy là nhân của danh-sắc là pháp tạo-tác, sanh ra đầu tiên.

« Thực-phẩm » là duyên của danh-sắc, là pháp duy-trì sức lực cho thêm tăng trưởng, cho huyết nhục càng sung-túc.

Lại nữa, vô-minh, ái-dục, thủ, ba phép ấy là nơi nương náo của sắc-thân, như người mẹ là nơi gọi nhờ của đứa trẻ; nghiệp là pháp sanh ra chúng-sanh, ví như người cha của đứa trẻ.

Thực-phẩm là pháp giữ gìn săn sóc, như người vú, bảo-dưỡng đứa trẻ. Danh-sắc mà sanh ra được nhờ nương theo năm phép đã giải. Loài sanh-vật mà có năm phép ấy ẩn-trú trong tâm đến đâu, đều phải chịu sanh, già, bệnh, chết trong thế-gian đến đó.

Lại nữa, thực-phẩm là duyên của sắc pháp, vì tứ đại là đất, nước, gió, lửa, hằng tiến-hóa thành hình được, cũng đều nhờ thực-phẩm.

Sự tiếp xúc là duyên của danh-pháp: thọ, tưởng, hành; danh-pháp này nhờ tiếp xúc mới

sinh ra được, danh và sắc là duyên của danh-pháp « thức ». Còn pháp về nhân và duyên của danh-sắc ấy, bậc trí-tuệ nên hiểu rõ như vậy : vô-minh, ái-dục, thủ, nghiệp, thực-phẩm là nhân-duyên của sắc-pháp ; vô-minh, ái-dục, thủ, nghiệp, tiếp-xúc là nhân-duyên của danh-pháp (thọ, tưởng, hành). Vô-minh, ái-dục, thủ, nghiệp, danh-sắc, là nhân, là duyên, của danh-pháp « thức ».

Người có trí-tuệ, nếu biết phân biệt thấy rõ nhân-duyên là căn-sinh của danh-sắc, như thế thì được dứt khỏi cả 16 điều hoại-nghi trong tam-thế.

Hoại-nghi trong đời quá-khứ có năm điều là :

- 1) Ta đã quen sanh ra chăng ? (Aho sim̐ nukho).
- 2) Ta không quen sanh ra chăng ? (Na nukho aho sim̐).
- 3) Ta đã sanh ra làm cái chi ? (Kinnukho aho sim̐).
- 4) Ta đã sanh ra do cách nào ? (Katham̐ nukho aho sim̐).
- 5) Ta đã sanh ra làm cái chi, rồi sanh ra làm cái chi nữa ? (Kim̐ hutvākim̐ aho sim̐).

Hoại-nghi trong đời vị-lai có năm điều là :

- 1) Ta sẽ sanh ra làm cái chi nữa ? (Kavissāmi nukho).

- 2) Ta sẽ không sanh ra nữa chăng? (Na nukho kavissāmi).
- 3) Ta sẽ sanh ra làm cái chi (l)? (Kinnukho kavissāmi).
- 4) Ta sẽ sanh ra do cách nào? (Katham nukho kavissāmi).
- 5) Ta sẽ sanh ra làm cái chi, rồi sẽ sanh ra làm cái chi nữa? (Kim hutva kim kavissāmi).

Hoài-nghi trong đời hiện-tại có sáu điều là:

- 1) Ta có sanh ra chăng? (Aham nukho smi).
- 2) Ta không có sanh ra chăng? (No nukho smi)
- 3) Ta có sanh ra như thế nào? (Kinnukho smi)
- 4) Ta có sanh ra do cách nào? (Katham nukho smi).
- 5) Chúng-sanh này ở đâu lại? (Ayam nukho satto kuto āgato).
- 6) Chúng-sanh ấy sẽ đi nơi nào nữa? (Sokuhimgāmi kavissati).

Khi hành-giả đã quan-sát thấy rõ nhân-duyên của danh-sắc như vậy rồi, mới có thể dứt 16 điều hoài-nghi ấy được, chăng còn ngờ vực đối với danh và sắc trong phần quá-khứ, vị-lai và hiện-

(l) Sanh ra làm Sa-Môn, Bà-La-Môn, Vua, v.v...

tại. Trí-tuệ của hành-giả tu pháp minh-sát được mạnh mẽ, quan-sát thấy nhân và duyên của danh-sắc và dứt khỏi 16 điều hoài-nghi trong 3 đời như thế gọi là : « Pháp Thanh-tịnh vì dứt khỏi sự hoài-nghi ».



PHÁP THANH-TỊNH THỨ NĂM

Hành-giả tu pháp minh-sát, khi đã quan-sát dò xét thấy rõ nhân-duyên của danh và sắc, đã thoát khỏi được trong sạch sự hoài-nghi rồi, nên niệm pháp minh sát, nghĩa là biết phân biệt danh-sắc luôn cả nhân-duyên của danh-sắc thêm nữa cho thấy rõ rằng : danh-sắc nào đã sanh trong đời quá khứ, danh-sắc ấy cũng diệt trong đời quá-khứ, danh-sắc nào sẽ sanh ra trong đời vị-lai, danh-sắc ấy cũng sẽ diệt trong đời vị-lai, danh-sắc nào đang sanh ra trong đời hiện tại, danh-sắc ấy cũng thường hư-hủy, tiêu-tan trong đời hiện-tại. Danh-sắc nào dầu bên trong hoặc bên ngoài thô-thiển hoặc vi-tế, hèn-hạ hoặc cao-sang, xa hoặc gần, tất cả danh-sắc ấy cũng đều phải chịu sự tau rã, chia lìa theo chi phần của nó, cho nên danh-sắc ấy mới gọi theo chơn-lý, là « cái không chắc thật ». Danh-sắc sanh ra rõ rệt trong thế-gian, hằng biến đổi tiêu-hủy một cách rõ rệt trong thế-gian, không sao tránh khỏi trạng-thái đầu tiên được, nghĩa là :

Danh-sắc nào vô-thường, danh-sắc ấy là khổ-não ;
danh-sắc nào khổ-não, danh-sắc ấy là vô-ngã ;
danh-sắc nào vô-ngã, danh-sắc ấy chẳng phải là
của ta, chẳng phải là ta, chẳng phải là sắc-thân
của ta đâu.

Khi hành-giả tu pháp Minh-sát, dùng danh-sắc
là năm uẩn, lục-nhập, tứ-đại để quan-sát theo 3
tướng thấy rõ luôn luôn theo 3 pháp Minh-sát
niệm rằng : Vô-thường, khổ-não, vô-ngã, thì dứt
khỏi được ba tà-tướng là :

- 1) Sanh-mạng thường tướng (Santatisaññā) là
tướng rằng sanh-mạng được thường tồn
lâu dài.
- 2) Oai-nghi tướng (Iriyapāthasaññā) là tướng
rằng : hành đều đủ 4 oai-nghi : đi, đứng,
nằm, ngồi, được dễ-dàng.
- 3) Kiên-cố tướng (Ghanasannā) là tướng rằng :
có sự chắc chắn lâu dài hẳn thật, như tảng
đá liền-lạc.

Còn 3 tướng như vô-thường tướng thì thường
hay mù mù, mịt mịt, không rõ rệt chắc thật đến
hành-giả, vì 3 tà-tướng ấy hằng đè nén che đậy
như mây che phủ mặt nhật ; đến khi hành-giả
thấy rõ 3 pháp « Minh-sát niệm » rồi mới có thể
đoạn trừ 3 tà tướng ấy được.

Ba phép Minh-sát niệm là :

- 1) Minh-sát vô-thường niệm (Aniccānupassanā) là nhớ nghĩ xét thấy luôn luôn là không thường (để diệt sanh mạng thường tưởng) (Santatisaññā).
- 2) Minh-sát khổ-não niệm (Dukkhānupassanā) là nhớ nghĩ xét thấy luôn luôn là khổ-não (để diệt oai-nghi tưởng) (Iriyāpathasaññā).
- 3) Minh-sát vô-ngã niệm (Anattānupassannā) là nhớ nghĩ xét thấy luôn luôn là vô-ngã (để diệt kiên cố tưởng) (Ghanasaññā).

Khi hành-giả đã nghĩ xét theo ba pháp Minh-sát niệm để dứt trừ 3 tà-tưởng được rồi, nên dùng niên cấp và thế kỷ 10 niên cấp để niệm tưởng theo 3 tướng, phân biệt, quán-tưởng, danh-sắc, luôn đến sự tiêu-hủy và tiến-hóa của danh-sắc thêm nữa.

Ba niên cấp là :

Niên cấp thứ nhất : Kể tuổi từ lúc mới sanh đến 33 tuổi.

Niên cấp thứ nhì : Kể từ 34 tuổi đến 66 tuổi.

Niên cấp thứ ba : Kể từ 67 tuổi đến 100 tuổi.

Hành-giả nên quán-tưởng danh-sắc tồn-tại trong ba niên cấp cho thấy rằng : danh-sắc tồn-tại trong niên cấp thứ nhất, có khi cũng phải diệt

trong niên cấp thứ nhất; danh-sắc tồn-tại trong niên cấp thứ nhì, có khi cũng phải diệt trong niên cấp thứ nhì; danh-sắc tồn-tại trong niên cấp thứ ba, có khi cũng diệt trong niên cấp thứ ba.

Một trong ba niên cấp ấy đều là nơi đồn trú của vô-thường, khổ-não và vô-ngã cả.

Thế kỷ ấy thường hay lia bỏ danh-sắc, hằng ngày, hằng đêm theo lẽ thường :

- 1) Trẻ con trong 10 tuổi đầu, còn nhỏ, từ khi mới ra khỏi lòng mẹ đến khi biết đi, đứng, chạy, chơi (Mandadasaka).
- 2) Được thêm 10 tuổi nữa, khi đến xuân kỳ, đang lúc ham vui theo cuộc đời thế sự (Khid-dādasaka).
- 3) Được thêm 10 tuổi nữa, khi được trưởng thành, trai gái, nhan sắc tươi tốt, đầy đủ (Vannadasaka).
- 4) Được thêm 10 tuổi nữa, khi thân thể tráng-khien sức lực đầy đủ (Baladasaka).
- 5) Được thêm 10 tuổi nữa, khi có trí-tuệ biết phân biệt phải, quấy, phước, tội (Paññādasaka).
- 6) Được thêm 10 tuổi nữa, trong khi thân-thể già cả tiêu-tụy hao mòn (Hānidasaka).

- 7) Được thêm 10 tuổi nữa, trong khi thân-thể yếu-đuôi rung-động cả mình (Pabbhadasaka)
- 8) Được thêm 10 tuổi nữa, trong khi thân-thể già cộp, lưng còm, má thõn, mắt lờ, tai lảng (Vankadasaka).
- 9) Được thêm 10 tuổi nữa, trong khi tinh-thần thường hay lẫn-lộn (Momūhadasaka).
- 10) Được thêm 10 tuổi nữa, trong khi thân-thể nặng nề; tay chơn rũ liệt (Sayanadasaka).

Trong 10 niên cấp, 10 tuổi ấy, nói về những người sống đến 100 năm mà hành-giả nên dùng đề niệm tưởng theo 3 tướng (vô-thường, khổ-não, vô-ngã) cho thấy là nơi đồn trú của sự khổ-não, lo sợ cho tâm cảm-xúc, vì lẽ lìa tan của các danh-sắc. Lại nữa, danh-sắc hằng tiêu-hủy, do nhiều nghịch cảnh; tiêu hủy vì nóng, lạnh, đói, khát... vân, vân..., hoặc khi gặp thời kỳ tận kiếp mà phải mạng chung.

Tận kiếp do ba lẽ :

- 1) Danh-sắc của nhân-loại và súc-sanh tiêu-hủy vì đói khát.
- 2) Tiêu-hủy vì nhiều thứ bệnh, nhất là bệnh rét, thiên-thời.
- 3) Tiêu-hủy vì nạn đao thương, trong khi có chiến tranh.

Hành-giả khi tu pháp minh-sát dùng trí-tuệ quan-sát thấy danh-sắc rõ rệt như thể là nguyên-nhân làm cho dứt lòng quyến-luyến, trong danh-sắc. Hành-giả không khấn-khít với danh-sắc, tâm được bạo-dạn trong sự lia bỏ danh-sắc, được điều-hòa; qui nhứt, do trí-tuệ chăm chú trong 3 tướng (vô-thường, khổ-não, vô-ngã). Tu pháp minh-sát đều đủ đến bậc này hành-giả hằng bị minh-sát tùy phiền-não nhập vào, ô-nhiêm làm cho lằm lạc theo tùy phiền-não ấy.

Minh sát tùy phiền-não có 10 thứ:

- 1) Hào-quang phát-sanh, tia sáng chung quanh Thân-thể, vì năng lực của phép minh-sat (Okāso).
- 2) Trí-tuệ sáng suốt thấy danh-sắc rõ rệt phát sanh đúng đắn (Ñānam).
- 3) Sự no đủ làm cho thân-thể tho-thời đều đủ khắp cả châu thân (Pīti).
- 4) Sự an-tĩnh của thân và tâm không còn quyến-luyến theo ngoại cảnh (Passaddhi).
- 5) Sự an-vui thân tâm trong một cảnh-giới qui trọng (Sukham).
- 6) Sự quyết tâm của tâm-vương và tâm-sở (1)

(1) Tâm-vương có năng-lực: hành động vì tự mình phát sanh ra như ông vua có quyền tự chủ. Tâm-sở là pháp do tâm-vương mà phát sanh.

(Adhimokkho).

- 7) Sự tinh-tấn không thái quá, hằng phần khởi tâm lành trong cảnh-giới (Paggāho).
- 8) Có trí nhớ chắc chắn trong sự gìn giữ cảnh-giới được rõ rệt trong trung-tâm pháp minh-sát (Upatthānam).
- 9) Có xả-tâm mạnh mẽ trong tất cả danh-sắc (Upekkhā).
- 10) Sự vui thích cực kỳ, tinh vi trong trung-tâm phép minh-sát cũng phát-sanh lên (Nikanti)

Cả 10 pháp minh-sát tùy-phiền-não là điều bất-tịnh thật của phép minh-sát, vì rằng khi tùy-phiền-não ấy đã phát-sanh thì hằng làm cho hành-giả lằm-lạc, mê-muội, tưởng rằng: ấy là đạo quả đã phát-sanh đến ta, ta đã đạt đến đạo-quả cuối cùng của các đức cao-thượng, rồi an-nghỉ, không tiến hành phép minh-sát nữa; đó là nguyên nhân mở rộng đường cho ái-dục, ngã-mạng, tà kiến thêm sức mạnh, trở lại chấp rằng: « Đây là của ta, đây là thân hình của ta ». Cho nên cả 10 phép tùy-phiền-não ấy mới gọi là: điều bất-tịnh của pháp minh-sát.

Hành-giả muốn tiến-hành trong sự niệm phép minh-sát chơn - chánh, khi có một trong 10 tùy-phiền-não phát-sanh, cũng không vui-thích, không mê-muội, lằm-lạc, trong tùy-phiền-não đã sanh;

không bỏ qua sự tiến-hành của mình, vì biết rõ rằng : các tùy-phiền-não ấy chẳng phải là pháp minh-sát, chẳng phải là đạo-quả, chỉ là món quả báo của pháp minh-sát thôi.

Hành-giả suy nghĩ rằng : Ta cần phải phấn khởi, cái tâm tinh-tấn hành phép minh-sát cho thêm tăng-tiến, hiểu theo trí-tuệ rằng : Đây là đạo-quả, đây là minh-sát tùy-phiền-não, chẳng phải đạo quả. Trí-tuệ có thắng-lực của hành-giả mà tùy-phiền-não không nhiễu-loạn được, hoặc trí-tuệ không sai lầm theo tùy-phiền-não là trí-tuệ chơn chánh, gọi là « pháp thanh-tịnh vì trí-tuệ thấy rõ : là đạo hay không phải đạo », (Maggamaggāñānadassanavisuddhi) thuộc về phép minh-sát thứ ba.



PHÁP THANH-TỊNH THỨ SÁU

Hành-giả tu phép Minh-sát khi đã hành, phép thanh-tịnh vì trí-tuệ thấy rõ : là đạo hay chẳng phải đạo (Maggāmaggañānadassanavissuddhi) được đều đủ trong sạch rồi, đã ghi nhớ chắc, đây là thánh đạo, đây là tùy-phiền-não, như thế rồi, nên quan-sát 9 phép minh-sát-tuệ trong trung tâm pháp thanh-tịnh, vì trí-tuệ thấy rõ sự hành-đạo » (Patipadāñānadassanavissuddhi) là phép phương

tiện trong sạch cao-thượng, là nguyên-nhân thoát khỏi tùy-phiền-não, để chứng thánh-đạo và thánh quả, bậc trên theo thứ tự.

Minh-sát-tuệ có chín phép là :

1.— **Udayābbayanupassanāñāna**, là trí-tuệ quan-sát thấy rõ tướng sanh và tướng vô-thường, phân tán của danh-sắc.

Tướng sanh của danh-sắc (Nibbatilakkhana) có 5 loại : vô-minh (Avijjā), ái dục (Tanha), thủ (Upādāna), nghiệp (Kamma), thực-phẩm (Ahāra).

Tướng vô-thường và phân-tán của danh-sắc cũng có năm loại, là năm uẩn (mỗi uẩn có 10 tướng : năm tướng sanh và năm tướng diệt, tổng cộng thành 50 tướng). Trong sắc-uẩn hành-giả nên quán-tướng theo tướng vô-thường của sắc như vậy :

- a) Sắc sanh ra vì vô-minh, là phiền-não dẫn dắt, khiến cho chúng-sanh phải lầm lạc, không thấy rõ chơn-lý.
- b) Sắc sanh ra vì ái-dục, là phiền-não đem đường làm cho chúng-sanh phải bồi hồi lo sợ.
- c) Sắc sanh ra vì thủ, là phiền-não giam-hãm, nhốt chặt chúng-sanh trong bánh xe luân-hồi.
- d) Sắc sanh ra vì nghiệp, là điều thiện và điều ác, là con đường lôi kéo chúng-sanh xoay

vẫn trong các cõi.

e) Sắc sanh ra vì thực-phẩm, làm cho thân-thể được liến hóa.

Về phần tướng vô-thường và phân tán ấy hành-giả nên quan-sát rằng: sắc hằng biến đổi, tiêu-diệt vì vô-minh diệt.

Sắc diệt vì ái-dục diệt.

Sắc diệt vì thủ diệt.

Sắc diệt vì nghiệp diệt.

Sắc diệt vì thực-phẩm diệt.

Khi hành-giả quan-sát năm tướng sanh và năm tướng vô-thường, phân tán trong sắc-uẩn như đã giải rồi, nên quan-sát đến năm tướng sanh và năm tướng phân tán của thọ - uẩn, tưởng - uẩn, hành - uẩn, thức - uẩn, thêm nữa, như sắc-uẩn, nhưng chỗ thực-phẩm phải dùng sự tiếp xúc thể vào như vậy :

Thọ sanh vì xúc sanh.

Thọ diệt cũng vì xúc diệt.

Tưởng sanh vì xúc sanh.

Tưởng diệt cũng vì xúc diệt.

Hành sanh, vì xúc sanh.

Hành diệt cũng vì xúc diệt.

Trong thức uẩn, bỏ thực-phẩm ra đem danh-sắc thể vào như vậy :

Thức sanh vì danh-sắc sanh.

Thức diệt cũng vì danh-sắc diệt.

Tướng sanh và tướng diệt của : thọ, tưởng, hành, thức, có ý nghĩa đồng nhau, chỉ khác với tướng của sắc, như đã giải trên.

Trí-tuệ của hành-giả hiểu rõ tướng-sanh và tướng-diệt của năm uẩn như thế gọi là : phạm sự của phép Udayabbayānupassanāñāna,

2.— **Bhaṅgānupassanāñāna**, là trí-tuệ của hành-giả không quan-sát chỗ sanh và chỗ diệt của năm uẩn và nhân-duyên của năm uẩn, chỉ quan-sát về sự phân tán, của danh-sắc. Hành-giả khi đã tu pháp minh-sát đến bậc « trí-tuệ chỉ quan-sát về sự phân tán của danh-sắc » rồi chỉ quan-sát, ghi nhớ đến quả của danh-sắc thôi, không cần quan-sát tìm căn nguyên của danh-sắc nữa, bởi đã quan-sát thuần-thực ghi nhớ chắc chắn nhân-duyên của danh-sắc rồi.

Cái chi vô-thường là khổ-não, là vô-ngã, và sự phân tán của danh-sắc ấy gọi là cái quả hay là cái kết quả của danh-sắc.

Hành-giả chỉ quan-sát cái quả của danh-sắc thôi. Khi đã quán-sát thấy rằng : sắc không thường là nguyên-nhân để dứt cái « thường tưởng » là quen tưởng rằng : là « thường ».

Thấy rõ danh-sắc là khổ, là nguyên-nhân để dứt cái lạc-tưởng, là quen tưởng rằng : là « an-vui ».

Thấy rõ danh-sắc là vô-ngã, là nguyên-nhân để dứt cái « ngã-tưởng » là quen tưởng rằng : là « ta ».

Còn về phần cái tâm quen luyến-ái theo cảnh-giới : sắc, thính, hương, vị, xúc, tâm ấy hằng gặp gỡ, sự ly-biệt, lìa xa, tự nhiên các cảnh-giới ấy. Tâm mà có thọ, tưởng, hành, là cảnh-giới rồi, thì cũng thường phân tán nhau, ví như giọt mưa bị gió thổi bay tạt. Trí-tuệ của hành-giả thấy rõ sự lìa tan của danh-sắc vì sự ly-biệt cảnh-giới của tâm như thế gọi là : « phận sự của pháp » *Bhaṅgānāpāssanāññāna*.

3.— *Phayatūpatthānanāna*, là trí-tuệ quan-sát thấy rõ các danh-sắc là đáng kính sợ, dầu là danh-sắc đã sanh trong đời quá-khứ, danh-sắc đang sanh trong đời hiện tại, hoặc danh-sắc sẽ sanh trong đời vị-lai, cũng đều là danh-sắc đáng kính sợ cả.

Trí-tuệ của hành-giả quan-sát thấy rõ các danh-sắc là con đường chảy vào những điều khổ-não, lo sợ, như thế gọi là : phận sự của pháp : *Bhaya-tūpatthānanāññāna*.

4.— **Adinavānupassanāñāna**, là trí-tuệ của hành-giả quan-sát thấy thường thường trong các danh-sắc là cái có rất nhiều tội lỗi, khổ-não : hành-giả cũng chẳng ưa-thích các danh-sắc ấy ; ví như người thương tiếc sanh mạng, khi được biết rõ thực phẩm, có bỏ thuốc độc thì không còn dám ưa thích thực phẩm ấy nữa : hoặc ví như người đã biết rừng có thú dữ, hoặc sông có cá sấu, không dám vào rừng, hoặc xuống sông nữa, cũng do sự biết ấy.

Hành-giả quan-sát thấy rõ sự sanh ra của các danh-sắc là khổ-não, tội lỗi ; sự không sanh ra của các danh-sắc mới là yên vui tự tại ; mặc dầu có thọ vui một đôi khi, là món phước-báu của danh-sắc, hành-giả cũng không ưa thích, không lầm lạc vì sự vui ấy ; biết rõ sự vui ấy là tùy-phiền-não của danh-sắc. Trí-tuệ thấy tội lỗi của các danh-sắc rồi không ưa-thích, không quên mình trong những sự tội lỗi, như thế gọi là : « phậu sự của pháp Adinavānupassanāñāna »

5.— **Nibbidānupassanāñāna**, là trí-tuệ quan-sát thấy thường thường trong danh-sắc là đáng nhàm chán. Những người tu pháp minh-sát, khi đã quan-sát từng bậc đến đây rồi, đều có lòng nhàm chán, không muốn có danh-sắc nữa, ví như vật nặng ở trên vai người yếu sức, như loài sư-tử mà người bỏ vào chuồng, hoặc như con voi

chứa 6 ngà (Chaddanta) mà người nuôi trong xóm.

Trí-tuệ của hành-giả chán nản không ưa thích, không thương tiếc danh-sắc chỉ vui thích điều lợi ích, phải hành cho thêm tăng-trưởng, hầu đến cõi bất sanh, bất diệt là Niết-Bàn, như thế gọi là : « Phận sự của pháp Nibbidānupassanāñāna ».

6.— Muñcitukamyatāñāna, là trí-tuệ quan-sát thấy tội của danh-sắc, nhằm chán danh-sắc và mong đem mình ra khỏi danh-sắc, muốn tìm phương tiện để lánh mình ra khỏi danh-sắc.

Trí-tuệ hành-giả thấy tội lỗi của danh-sắc và mong mỗi tìm phương pháp hầu ra khỏi danh-sắc như thế gọi là : « Phận sự của pháp Muñcitu-kamyatāñāna ».

7.— Paṭisaṅkhaṇupassanāñāna, là trí-tuệ quan-sát thấy thường, hiểu rõ : các danh-sắc hằng mắc trong 3 tướng ; vô-thường, khổ-não, vô-ngã ; đều đủ cả 4 oai-nghi.

Khi hành-giả đã quan-sát thấy tội của danh-sắc đều đủ rồi, nên đem các danh-sắc ấy, để quan-sát theo ba tướng rằng :

Các danh-sắc đều là : vô-thường, đem đến sự khổ-não, chẳng phải là ta, đều là quân nghịch, đáng ghê sợ, đáng gớm ghiết, là tội lỗi có nọc độc dữ tợn, hằng nóng nải vì lửa phiền-não, là

tham-dục sân-hận si-mê, vì lửa khổ (sanh, lão, bệnh, tử), là nơi trú ngụ của các tật bệnh.

Khi hành-giả tinh-tấn đem danh-sắc để quan-sát theo 3 tướng như thế, nên tìm phương tiện để đem mình ra khỏi danh-sắc, ví như người nôm cá khi chụp nôm trong nước, nôm nhắm rần độc, tưởng là cá, đưa tay vào nôm mò bắt đem lên, thấy rần bèn rất kinh hãi tỉnh quặng bỏ, rồi quây rần cho yếu sức, không cho rần mổ được và liệng bỏ, xong rồi có lòng mừng rỡ mà rằng: ta đã thoát khỏi rần độc ấy. Cũng như hành-giả tu pháp minh-sát, cố chấp năm uẩn là ta, là của ta, đến sau rõ thấu năm uẩn chẳng phải là ta, nó là món tội lỗi có nọc độc dữ tợn như rần hổ không nên cố chấp, vì ái dục, tà-kiến, ngã mạng, và tìm phương tiện để dứt bỏ năm uẩn ấy.

Chỗ hành-giả thấy danh-sắc có 3 tướng (vô-thường, khổ-não, vô-ngã), như người thấy rần hổ có 3 khoen; thấy rõ danh-sắc đáng kinh sợ, như người sợ rần; thấy danh-sắc có tội lỗi, ví như người thấy rõ là rần hổ có nọc độc dữ tợn; thấy danh-sắc đáng nhàm chán, ví như người đang bắt nôm chắc rần trong tay, thấy danh-sắc, ví như vật nặng và đang tìm cách liệng bỏ, ví như người tìm phương thể quây, quặng bỏ rần.

Chỗ mà hành-giả đem danh-sắc để quan-sát theo 3 tướng, đè nén không cho tâm cố chấp nắm vững là thường-tồn, là yên vui, là thân mình, ví như người biết là rắn, quây cho nó yếu sức, không cho nó mổ cắn được. Trí-tuệ của hành-giả đương quan-sát tìm phương thế để ra khỏi danh-sắc như thế gọi là phạm sự của pháp Paṭisaṅkhānupassanāna.

8.— Saṅkhārupekhānāna, là trí-tuệ của hành-giả quan-sát thấy các danh-sắc đều chẳng phải là ta, là chúng-sanh là người, là của ta, rồi phát sanh vô-ký trong danh-sắc, không vui, không buồn, không kinh sợ đối với danh-sắc, vì trí-tuệ đã quan-sát thấy rõ do Bhayatupaṭṭhānāna (1) Paṭisaṅkhānupassannāna (2) đều đủ rồi. Tâm hành-giả an trú, vững vàng trong vô ký, là người không dẽ-duôi, không ghét, không thương danh-sắc, ví như người đã từ bỏ hẳn vợ, mỗi khi thấy nhau cũng không để ý đến vì cho người đàn bà ấy, chẳng phải là vợ của mình.

Trí-tuệ của người tu pháp minh-sát đã quan-sát thấy rõ như thế có tâm vô-ký trong danh-sắc thì không còn quyến-luyến trong cảnh-giới. Từ đây minh-sát-tuệ của hành-giả càng thêm mạnh mẽ, quan-sát mau lẹ, hầu lánh khỏi sắc-pháp và vô sắc-pháp, là cảnh-giới của thiên hữu-sắc và

(1) & (2) Xem nghĩa nơi trang trước.

thiền vô-sắc, pháp minh-sát này gọi là : Trí-tuệ quan-sát đem mình ra khỏi năm uẩn ; (Vatthāna-gāminivipassana) là trí-tuệ sáng suốt cao-thượng, vì đã thấy rõ phương-pháp để lánh khỏi năm uẩn, dứt bỏ sự thương tiếc, không còn trúu mến năm uẩn hằng dùng đạo quả làm cảnh-giới. Lại nữa pháp minh-sát niệm dùng năm uẩn làm cảnh-giới ấy, có thí dụ bằng 12 cách, cho hành-giả sáng rõ do trí-tuệ quan-sát, đem mình ra khỏi năm uẩn có kệ ngôn tóm tắt điều thí dụ như vậy :

Vaggulī Kanhasappo Ca gharaṃ go yakkhi
Dārako Khuddaṃ pipāsaṃ situṇhaṃ andhakāraṃ
visena ca.

Nghĩa là: Con dơi, con rắn hổ, nhà, bò, tinh cái, trẻ con, đói, khát, lạnh, nóng, thuốc độc, (cả thấy 12 điều thí dụ).

Thí dụ thứ nhất,— Con dơi bay đậu trên cây, (Madhu panam) (1) có năm nhánh, tưởng chắc đã được hưởng trái cây, đến khi dò coi nhánh thứ nhất, không có trái, nhánh thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm cũng không thấy có trái, nó nghĩ rằng : cây này không có trái, rồi bay đậu trên nhánh ngay phía trên, cất đầu xem lên trên, rồi bay đáp qua cây khác có trái ; Sự thí dụ này, bậc thức-giả nên hiểu rằng : hành-giả như con dơi,

(1) Một thứ cây có trái ngọt mà loài dơi hay ưa thích.

năm uẩn như cây (Madhupanam) có năm nhánh hành-giã quen cố chấp trong năm uẩn, ví như con dơi đậu trên cây có năm nhánh; Trí-tuệ của hành-giã quan-sát thấy rõ năm uẩn, chẳng có chi đáng cố-chấp, ví như con dơi bay đủ nhánh cây, tìm không thấy trái; Trí-tuệ quan-sát thấy tội lỗi danh-sắc (Muñcitukamyatāñña) ; trí-tuệ quan-sát thấy luôn luôn do sự hiểu rõ các danh-sắc hằng mắc trong 3 tướng (Patisamkhānupassanāñña) và trí-tuệ quan-sát thấy các danh-sắc đều là vô-ngã. rồi tâm vô-ký trong danh-sắc (Saṅkhārupekhāñña) ví như con dơi dứt sự thương tiếc rằng : cây này không có trái ; trí-tuệ quan-sát pháp thuận minh-sát-tuệ (1) (Anulomañña) của hành-giã ví như con dơi bay đáp lên nhánh ngay phía trên, phá - hoại dòng phàm (2) (Gotrabhūñña) ví như con dơi cất đầu xem lên trên ; tuệ-đạo (Maggāñña) ví như con dơi đang bay đi ; tuệ-quả (Phalañña) ví như con dơi đã đáp qua cây khác có trái.

Thí dụ thứ hai.— Rắn hổ mà người lầm tưởng là cá, như đã có giải, Gotrabhūñña, ví như người liệng bỏ rắn, tuệ-quả như người đã chạy đến nơi khác khỏi lo sợ rắn hổ.

Thí dụ thứ ba.— Nhà có người đang nằm

(1) Anulô-manh-nha-ná sẽ giải ra nơi sau.

(2) Gotrabhūñña sẽ giải ra nơi sau.

ngủ mê, đến khi bị lửa cháy, chủ nhà giật mình thức dậy, kinh sợ, tính rằng ta chẳng cần lấy vật chi cả bèn chạy mình không, đến đứng trong chỗ yên vui. Người phạm quen chấp là ta, là thân của ta, ví như người chủ nhà đang ngủ mê; trí-tuệ thấy danh-sắc là đáng kinh sợ, ví như chủ nhà tỉnh giấc, thấy lửa đang cháy; trí-tuệ thấy tội của danh-sắc, ví như thủ nha tìm đường chạy ra; trí-tuệ quan-sát Anulomaññāṇa ví như chủ nhà đã thấy đường ra; Gotrabhūññāṇa ví như chủ nhà đang chạy ra; tuệ-dạo, ví như chủ nhà đang chạy ra lệ làng; tuệ-quả, ví như đã chạy đến nơi yên vui khỏi lửa.

Thí dụ thứ tư.— Bò của một người sỏ chuồng khi ban đêm, trong lúc chủ đang ngủ, đến sáng chủ biết bò đã sỏ chuồng mất rồi, chạy theo dấu chân bò, thấy bò của vua cho là bò của mình, đến khi biết chắc không phải bò của mình, đem lòng kinh sợ, e đức vua bắt tội mình là kẻ trộm, người ấy liền vụt chạy hoảng. Người đời quen cố chấp ngũ-uẩn là ta, là của ta ví như người thấy bò, của vua, tưởng là của mình.

Khi hành-giả hiểu rõ: các danh-sắc là: vô-thường, khổ-não, vô-ngã, như người hiểu rõ là bò của vua; trí-tuệ quan-sát thấy các danh-sắc là đáng kinh sợ (Bhayatupaṭṭhāṇaññāṇa) ví như người kinh sợ vua bắt tội; trí-tuệ quan-sát thấy

tội của danh-sắc nhằm chán danh-sắc, rồi tìm phương để thoát khỏi danh-sắc (Muñcitukamyatāna) ví như người toan trốn lánh; (Gotrabhūāna) ví như người không còn thương tiếc bò; tuệ-đạo (Maggāāna) ví như người đang chạy ra; tuệ-quả (Phalaāna) ví như người đã chạy ra khỏi chỗ kinh sợ.

Thí dụ thứ năm.— Con tinh cái, biến làm phụ-nữ kết vợ chồng với một người đàn-ông, trong rừng mộ-địa, đến tối tinh-cái biết người đàn-ông ngủ mê, lén vào mộ-địa để ăn thịt người. Khi người đàn-ông ấy thức dậy sẽ lén đi theo, xem thấy liền sợ hãi, nghĩ rằng: Ta mau trốn lánh, đừng cho nó ăn ta kịp. Người đời quen cố chấp, cái ta, thân của ta, ví như kết vợ chồng cùng tinh-cái. Khi hành-giả thấy rõ danh-sắc là vô-thường, ví như người đàn-ông biết chắc là tin cái; trí-tuệ quan-sát thấy các danh-sắc là đáng sợ (Bhayatupaṭṭhānaāna) ví như người đàn-ông kinh sợ; trí-tuệ quan-sát thấy rõ tội danh-sắc, sanh lòng nhằm chán rồi tìm phương để thoát khỏi danh-sắc (Muñcitukamyatāna) ví như người đàn-ông lánh khỏi rừng mộ-địa; tuệ-đạo (Maggāāna) ví như người đàn-ông đang chạy ra; tuệ-quả (Phalaāna) ví như người đàn-ông đã chạy đến nơi khỏi điều kinh sợ.

Thí dụ thứ sáu.— Giải rằng: Có người đàn-bà hay quyến-luyến con, người đàn-bà ấy ngồi

trên nhà lầu; khi nghe tiếng trẻ con kêu la bên đường, bèn nghĩ rằng: Có kẻ nào hà-hiếp con ta chăng? Bèn chạy hoảng đến bồng lẫm con của người khác, tưởng là con của mình; đến khi biết rõ là con của người, thì kinh-khủng liền để trẻ con ấy xuống, rồi xem bên này, ngó bên kia, sợ có người tố-cáo mình là kẻ trộm, bèn vội chạy lên nhà lầu. Tâm hành-giả quen cố-chấp nắm uẩn: là ta, là của ta, ví như người đàn-bà chấp con của người, tưởng là con của mình; hành-giả thấy rõ nắm uẩn: chẳng phải là ta, chẳng phải là của ta, ví như người đàn-bà thấy rõ: đứa trẻ là con của kẻ khác; trí-tuệ quan-sát thấy danh-sắc là đáng kinh sợ (Bhayatupa†hānaññāṇa) ví như người đàn bà đáng kinh sợ; trí-tuệ thấy tội của danh-sắc sanh lòng nhàm chẹn và muốn thoát ra khỏi danh-sắc (Muccitukamyatāññāṇa) ví như người đàn-bà đang xem bên này, ngó bên kia; (Anulomaññāṇa) ví như người đàn-bà đang để đứa trẻ xuống; (Gotrabhūññāṇa) ví như người đàn-bà đã để đứa trẻ xuống bên đường; đạo-tuệ Maggaññāṇa) ví như người đàn-bà đang chạy lên nhà lầu; quả-tuệ (Phalaññāṇa) ví như người đàn-bà đã lên ngồi trên nhà lầu,

Thí dụ thứ bảy.— Người đời, khi bị sự đói, đè nén, hằng lo tìm kiếm thực-phẩm ngon ngọt, thế nào; hành-giả khi còn mắc trong vòng luân-

hồi khổ-não, nên thường tìm thực-phẩm là pháp tham-thiền theo thân-tiền (Kâyagatāsati) cũng như thế ấy.

Thí dụ thứ tám.— Người khát nước, khô cổ, hằng phải tìm nước để uống, thế nào hành-giả, khi bị sự sanh-tử lôi cuốn, thường lo kiếm nước là : thánh-đạo là con đường cao-thượng, cũng như thế ấy.

Thí dụ thứ chín.— Người bị lạnh, hằng tìm nơi nóng, thế nào, hành-giả, khi bị lạnh là ái-dục tiếp xúc, thường cần dùng lửa là thánh-đạo để tiêu-hủy phiền-não, cũng như thế ấy.

Thí dụ thứ 10.— Người bị nóng tiếp-xúc, hằng tìm sự mát, thế nào, hành-giả, khi bị nóng vì lửa khổ và lửa phiền-não (1) trong vòng sanh-tử thường tìm Niết-bàn là nơi diệt tận hai thứ lửa ấy cũng như thế ấy.

Thí dụ thứ 11.— Người gặp tối tăm, hằng tìm ánh-sáng, thế nào, hành-giả khi bị sự tối tăm, là vô-minh bao trùm, che án, thường cần dùng ánh-sáng, là trí-tuệ, cũng như thế ấy.

Thí dụ thứ 12.— Người bị độc hành, hằng tìm thuốc để giải độc thế nào ; hành-giả khi bị độc là : phiền-não tiếp-xúc, thường tìm đến Niết-

(1) Tham, sân, si, sanh, lão, tử.

Bàn là món linh-dược, bất sanh, để trừ độc, là thiền-não cũng như thế ấy.

Trí-tuệ của hành-giả đã quan-sát thấy rõ, làm cho tâm chẳng còn quyến-luyến danh-sắc, như đã giải, thuộc về trí-tuệ quan-sát thấy các danh-sắc đều có tánh tiêu-hủy không phải là của ta, rồi có lòng vô-ký trong danh-sắc (Saṅkhārupekkhāñāṇa).

Trí-tuệ quan-sát thấy tội của danh-sắc (Muṅcī-tukamyatāñāṇa) : trí-tuệ quan-sát thường thấy danh-sắc hằng mắc trong 3 tướng : vô-thường, khổ-não, vô-ngã ; (Patisaṅkhānupassanāñāṇa) và trí-tuệ quan-sát thấy các danh-sắc đều có tính cách tiêu-hủy, không phải là của ta, rồi có lòng vô-ký trong danh-sắc, (Saṅkharupekkhāñāṇa) ; cả 3 trí-tuệ có ý nghĩa mừng trọng nhau, song trí-tuệ thứ 3 là cần yếu hơn hết.

9.— Anulomañāṇa, là trí-tuệ của hành-giả đã thường niệm được thuần-thục hằng hành thuận theo trong trung tâm của 37 phần pháp bồ-đề (1) là trí-tuệ có đều đủ đức tin, tinh-tấn, ức-niệm, thiền-định, có nghị-lực mạnh mẽ phát-sanh trong pháp Saṅkhārupekkhāñāṇa vì đã được quan-sát thấy rõ đều đủ oai-nghi, nắm thật các danh-sắc đều có trạng-thái vô-thường, vô-não, vô-ngã.

(1) Có giải trong vi-diệu pháp.

Kể đó trí-tuệ của hành-giả xuống giữ tiềm thức (1) (Bhavaṅga) : tiếp theo thường tâm, sự quan-sát tìm kiếm trong ý (Manodvarāvājjana) phát-sanh vì lấy danh-sắc làm cảnh-giới, rồi cũng xuống giữ tiềm thức ; liền theo tiềm thức ấy, tốc-lực tâm thứ nhất, (Javanacitta) phát-sanh vì dùng một trong 3 tướng làm cảnh-giới gọi là : Parikamma, sau Parikamma, tốc-lực tâm thứ nhì lại phát-sanh gọi là Upacāra (2). Tốc-lực tâm thứ 3 gọi là thuận-sát tốc-lực-tâm (Anuloma). Chỗ thuận-sát tốc-lực-tâm ấy chính là : Anulomaññāṇa vì trí-tuệ này hằng quan-sát thuận theo 8 phép minh-sát-tuệ « trước » và quan-sát thuận theo 37 phần pháp bồ-đề (Bodhipakkhiyadhamma), cho nên trí-tuệ ấy gọi là : « thuận minh-sát-tuệ », (Anulomaññāṇa) tuệ này ví như vị pháp-vương (Dhammikarāja) ; cả tám phép minh-sát-tuệ « trước » ví như 8 vị đại-thần, là 8 quan tòa ; 37 phần pháp bồ-đề, ví như phép nước của vua (Ratthadhammasastra). Trí-tuệ quan-sát thuận theo thiện-pháp về phần của pháp thường niệm (Bhāvetabbādhamma) là pháp phải tưởng niệm, đã giải ấy gọi là : thuận minh-sát-tuệ (Anulomaññāṇa).

(1) Tiềm thức là cái ý thức ngằm trong tâm chưa thọ cảnh-giới ngoại trần.

(2) Tốc-lực tâm chen vào gần định tâm.

Tất cả 9 phép minh-sát-tuệ đã giải trên thuộc về pháp hành trong Phật-giáo, trong 9 phép minh-sát-tuệ ấy, pháp thanh-tịnh vì trí-tuệ thấy rõ sự hành-đạo (Paṭipadaṁāṇa) thuộc về pháp minh-sát-tuệ thứ 4.

Hành-giả tu pháp minh-sát, khi đã hành thuận thực pháp thuận minh-sát-tuệ (Anulomaṁāṇa) rồi, thì Gotrabhūṁāṇa liền phát-sanh. Gotrabhū là cái tên của trí-tuệ trong sạch, song chưa gọi là đạo-quả được. Có kệ ngôn giải rằng : Uppādam abhi-bhuyyati gotrabhū, nghĩa là cái tuệ hăng đề nén sự sanh của danh-sắc, tuệ ấy gọi là : Gotrabhū. Lại nữa, tuệ nào có thể bước khỏi phạm giới hoặc đề nén « dòng phạm » hầu đoạt tuyệt hột giống phiền-não của phạm-phu và quan-sát đạt đạo-quả Niết-Bàn làm cảnh-giới, tuệ ấy gọi là : Gotrabhū.

Lại nữa, tuệ nào đang bước khỏi tam-giới, là bờ bên này để đến Niết-Bàn, là bờ bên kia, tuệ ấy gọi là (Gotrabhū) ví như người ở bờ bên này nhảy khỏi dòng nước lớn và nắm nhánh cây để đưa mình qua khỏi dòng nước, đến bờ bên kia. Về phần thuận minh-sát-tuệ (Anulomaṁāṇa) chỉ có thể dứt trừ sự tối tăm, là phiền-não che lấp tứ-diệu-để thôi; chưa có thể nắm lấy Niết-Bàn làm cảnh-giới được, chỉ có Gotrabhūṁāṇa mới có thể đạt Niết-Bàn làm cảnh-giới được. Ví như nhà

chiêm-tinh học (1) (Nakkhattariksa) biết xem mặt trăng trong ban ngày, song nếu mặt trăng bị mây dày che án tối tăm, không xem được. Phải chờ cho gió đùa lớp mây dày ở dưới, lớp mây mỏng ở giữa và lớp mây thưa ở trên qua khỏi rồi; mặt trăng được thanh-bạch, nhà chiêm-tinh-học mới có thể thấy tỏ rõ mà xét nghiệm. Sự tối tăm là : phiền-não (thô-thiền) bực trung và (vi-tế) che án pháp diệu-đế, ví như ba lớp mây che kín mặt trăng; 3 tốc-lực-tâm (2) (Javana) ví như ba ngọn gió; Gotrabhũñña ví như người chiêm-tinh-học; Niết-Bàn ví như mặt trăng. Đạo-tuệ phát-sanh do Gotrabhũñña nghĩa là : có Gotrabhũñña là người có năng lực dứt trừ các phiền-não ; đạo-tuệ này hằng thu tập bảy món báu để trước mặt, có thể dứt bỏ bát-tà-đạo che lấp cửa ác-đạo được.

Đạo ấy hằng có danh-hiệu, do 5 nguyên-nhân :

- 1) Do phận sự mình (Sarasena).
- 2) Do sự diệt trừ các nghịch pháp (Paccanñkena).
- 3) Do đức tánh của mình (Saguneña).
- 4) Do cảnh-giới (Ārammañeña).

(1) Ông thầy xem sao để đoán việc kiết hung của người.

(2) Tâm-tốc-lực (Parikamma) sát-tốc-lực (Upacāra) hi-tốc-lực (Anutomaivana),

5) Do hành trình là nơi lại (Tagamanena).

Nguyên nhân thứ 1.— Tiếng nói « phạn sự minh », có giải rằng : trí-tuệ quan-sát danh-sắc đều đủ theo 3 tướng (Saṅkhārupekkhāṇḍya) thì tâm được thoát khỏi những phiền-não, nhưt là tham-đục gọi là ba điều giải-thoát :

- a) Giải-thoát vì không có chỗ trú của phiền-não (Animittavimokkha).
- b) Giải-thoát vì không có chỗ chứa phiền-não (Appaṇīhitavimokkha).
- c) Giải-thoát vì rỗng không chẳng còn phiền-não (Suññātavimokkha).

Nếu quan-sát thấy « vô thường-tướng » thì gọi là giải thoát do không có chỗ trú của phiền não ; quan-sát thấy khổ-não tướng, gọi là giải-thoát do không có chỗ chứa phiền-não ; quan-sát thấy « vô ngã-tướng » gọi là giải-thoát vì rỗng không chẳng còn phiền-não.

Nguyên nhân thứ 2.— Tiếng « diệt trừ các nghịch pháp », ấy là đạo hắng dứt bỏ « thường-tướng » (Niccasaññā) là pháp nghịch của pháp « vô thường minh-sát tướng » (Aniccānupassanā). Dứt bỏ « lạc-tướng » (Sukhasaññā) là pháp nghịch của pháp « khổ-não minh-sát tướng » (Dukkhaṇupassanā). Dứt cái : ngã, chúng-sanh, người tướng

(Attasattapuggalasaññā) là pháp nghịch của pháp « vô-ngã minh-sát tướng » (Anattānupassana).

Nguyên nhân thứ 3.— Tiếng nói « đức tánh của mình » ấy là nói về đạo kèm chặt tất cả phiền-não, nhưt là tham dục, cho yên lặng, rỗng không, không cho phát-sanh ra các cảnh (Nimitta) nhưt là sắc-cảnh.

Nguyên nhân thứ 4.— Tiếng nói « cảnh-giới » ấy là nói về đạo níu lấy Niết-Ban làm cảnh giới được.

Nguyên nhân thứ 5.— Tiếng nói « hành-trình » là nơi lại », ấy là nói về 2 hành-trình :

- a) Hành-trình là nơi lại của pháp minh-sát (Vipassanāgamanam).
- b) Hành-trình là nơi lại của đạo để tu hành cho chứng-quả (Phale maggāgamanam).

Đạo-tuệ có thể diệt sử chương-ngại (I).

Đạo-tuệ là dòng nước hay là lòng sông chảy đến Niết-Bàn gọi là :

Tu-dà-huòn đạo. Trí-tuệ biết rõ trong sự diệt khỏi hẳn sự phiền-não gọi là đạo-tuệ (Maggasñāna).

(I) Sử : là phiền-não hay sai khiến chúng-sanh xoay vần trong chốn mê-làm.

Đạo-tuệ này chia ra làm 4 thứ :

- a) **Tu-đà-hườn đạo-tuệ**, (Sotapattimaggaññāṇa) diệt được 3 sử : thân kiến (Sakkāyaditthi) hoài nghi (Vicikicchā) giới-cấm-thù, (Silabbatāparāmāsa).
- b) **Tư-đà-hàm đạo-tuệ**, (Sakidāgāmmimaggaññāṇa) diệt được 3 sử như trên, thêm tham-dục và uất-ức được nhẹ nhàng.
- c) **A-na hàm đạo-tuệ**, (Ānāgāmmimaggaññāṇa) diệt 3 sử đầu, luôn cả tham-dục, và uất-ức cũng dứt hẳn.
- d) **A-la-hán đạo-tuệ**, (Arahattamaggaññāṇa) diệt được 10 sử : sắc-dục (Rūkarāga) vô sắc-dục (Arūparāga) ngã mạng (Māna) phóng-dật (Uddhacca) vô-minh (Avijjā) kể luôn với 5 sử đầu, thành 10 thứ sử.

Tâm-vương và tâm-sở (Citta cetasika) được hoàn-toàn trong sạch phát-sanh theo đạo-tuệ (Maggaññāṇa) thọ cái quả của cảnh - giới, ấy gọi là : quả-tuệ.

Quả-tuệ này cũng có 4 thứ giống nhau.

Sự của đạo-tuệ có 4 thứ :

Mỗi đạo-tuệ có 4 sự, hành theo trong 4 pháp diệu-đế, đồng trong một thời kỳ, không trước, không sau, tổng cộng « sự » của đạo-tuệ 4 thứ

trong tứ-diệu-đế, thành 16 sự gọi là : « thập lục sự », (solasakicca).

4 sự của đạo-tuệ ấy là :

- a) Sự biết phân biệt khổ-đế (Pariññākicca).
- b) Sự diệt tập-đế là ái-dục (Pahānakicca).
- c) Sự làm cho rõ rệt Niết-Bàn (Sacchikiriyākicca)
- d) Sự niệm thánh-đạo (Bhāvanākicca).

Cả 4 sự ấy được thành-tựu trong tứ-diệu-đế, đồng trong một thời kỳ, cùng nhau, như đã giải, cho hành-giả biết được dễ dàng ; ví như ngọn đèn (mà người đốt) hằng được thành-tựu 4 sự, đồng trong một thời kỳ, không sau, không trước.

Ngọn đèn có 4 sự :

- a) Cháy ngay đầu tim (Vattimjhāpeti).
- b) Vệt sự tối tăm (Andhakāraṃ vidhamati).
- c) Chiếu ánh sáng (Alokaṃ parividaṃseti).
- d) Hút lấy dầu (Sinehaṃpariyādiyati).

Ngọn đèn có thể thành tựu được 4 sự thế nào, đạo-tuệ (Maggaññāna) cũng làm xong được 4 sự như thế ấy.

Lại nữa, mặt trời khi mọc, hằng làm xong 4 sự, đồng một thời kỳ cùng nhau, không sau, không trước.

Mặt trời có 4 sự :

- a) Chiếu sáng cho thấy các sắc được (Rūpaga-tanibbhāseti).
- b) Vệt sự tối tăm (Andhakāraṃ vidhamati).
- c) Tia ánh sáng ra (Ālokaṃ dasseti).
- d) Diệt trừ sự lạnh (Sitaṃ patippassaṃbheti).

Mặt trời khi vừa mọc, có thể thành tựu 4 sự, thế nào, đạo-tuệ cũng thành-tựu 4 sự, như thế ấy.

Lại nữa, chiếc thuyền (Nāvā) hằng thành-tựu được 4 sự, đồng trong một thời kỳ cùng nhau, không sau, không trước.

Chiếc thuyền (Nāvā) có 4 sự :

- a) Bỏ bờ dây (Orimaṃ tiraṃ pajahati)!
- b) Đi cắt ngang dòng nước (Sotaṃ chindati).
- c) Chở chuyên hàng-hóa được (Bhaṇḍaṃ va-hati).
- d) Đi lướt tới hoặc cập vào bờ kia (Pārimaṃ tiraṃ appeti).

Chiếc thuyền có thể thành-tựu được 4 sự thế nào, đạo-tuệ cũng có thể thành-tựu được 4 sự như thế ấy.

Trong con đường đi của tốc-lực-tâm (Javana-vithi) ấy giải rằng : Hành-giả thuộc về tiệm-căn (1)

(1) Tiệm căn là nói về hành giả tu chứng đạo quả lần lần.

(Dandhābhiñṣā) thì tốc-lực-tâm đi đến 7 thời :

- a) Tốc-lực-tâm thứ 1 gọi là tâm (Parikamma).
- b) Tốc-lực-tâm thứ 2 gọi là sát (Upacāra).
- c) Tốc-lực-tâm thứ 3 gọi là Gô-trá-phu (Gotrabhū).
- d) Tốc-lực-tâm thứ 4, gọi là đạo (Magga).
- e) Tốc-lực-tâm thứ 5, 6, 7 gọi là quả (Phata).

Nếu hành-giả thuộc về đốn căn (1) (Khippābhiñṣā) thì không có tốc-lực-tâm tâm nghĩa là :

Tốc-lực-tâm thứ 1 là sát.

Tốc-lực-tâm thứ 2 là : Á-nú-lô-má (Anuloma).

Tốc-lực-tâm thứ 3 là : Gô-trá-phu (Gotrabhū).

Tốc-lực-tâm thứ 4 là : Đạo (Magga).

Tốc-lực-tâm thứ 5, 6, 7 là quả (Phata).

Do nhân ấy, mới gọi là quả tâm (Phalacitta) là quả của tâm thường hay phát-sanh theo đạo-tâm (Maggacitta) trong hạn kỳ 2 thời hoặc 3 thời, rồi mới xuống giữ tiềm thức (Phavangacitta). Trước tiềm thức ấy, tâm tìm kiếm cảnh-giới trong ý cũng phát-sanh (Manodvarāvājjanacitta) xem tới tìm đạo-quả, kể đó trí-tuệ quan-sát (Paccavekkhānāna) đạo-quả Niết-Bàn và những phiền-não

1) Đốn căn là nói hành-giả thành đạo-quả tức tốc.

đã diệt rồi hoặc vi-tế phiền-não còn sót lại bao nhiêu cũng đều phát sanh lên.

Trí-tuệ của hành-giả đều có 4 thánh-đạo nhưt là : Tu-đà-hườn đạo, có thắng-lực diệt các phiền-não được, như đã có giải, gọi là : « pháp Thanh-tịnh vì trí tuệ thấy rõ thánh-đạo » (Sāradassana-visudhi) là pháp minh sát thứ 5, là pháp minh-sát tột cao, như đã có giải tóm tắt.

Tiếp theo đây, giải về phước-báu của pháp tuệ-niệm (Pannābhūvarā).

Phước-báu của tuệ-niệm

Phước-báu của phép tuệ-niệm có nhiều thứ, nếu giải đại-khái có 4 :

- 1) Diệt các phiền-não, nhưt là xan-tham (Lobha)
- 2) Thọ hưởng ý vị của thánh-quả, nhưt là Tu-đà-hườn quả (Ariyaphalarasānubhavanam).
- 3) Có thể nhập-diệt, thọ, tướng định được, (Nirobhasapattisamāpajjanasamatthā).
- 4) Chứng bực đáng thọ lãnh 4 món vật dụng của người tín-thí, (Ahuneyyabhāvāsisiddhi).

Người có đầy đủ trí-tuệ hằng diệt các phiền-não, dầu chưa dứt hẳn, cũng diệt được ít nhiều phiền-não. Khi mạng chung sẽ thọ sanh về hàn-cảnh ấy là thuộc về phước-báu của trí-tuệ phạm-nhơn.

Nếu đoạn tuyệt các phiền-não, thì thuộc về phước-báo của thánh-vực, đó là quả-báo của pháp tuệ-niệm thứ nhất.

Sự thọ hưởng ý vị của thánh-quả, nhất là Tu-đà-hườn quả, là món quả-báo của pháp tuệ-niệm thứ nhì.

Sự nhập-định diệt thọ tưởng, chẳng phải là năng-lực của phạm-nhơn đầu bậc thánh : Tu-đà-hườn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, (Sukhavi-passaka) (1) cũng không sao nhập-định diệt, thọ, tưởng, được. Chỉ có 2 bậc thánh-nhơn A-na-hàm và A-la-hán đặc pháp phân-tích (2) (Patisambhida) quen nhập bát-thiền mới nhập-định diệt, thọ, tưởng, được. Phần sự trước của các bậc nhập-định diệt, thọ, tưởng, có 4 :

1.— Làm cho các vật-dụng phụ-tùng còn lại, không cho hư-hoại là : Y, bát, giường, bàn, ghế, hoặc các vật khác, dùng trong thân-thể.

Khi bậc thánh-nhơn muốn nhập-định diệt, thọ, tưởng, cần phải nguyện cho các vật dụng ấy rằng : Xin cho các vật phụ-tùng này đừng bị lửa cháy, nước lói, gió thổi, kẻ trộm lấy, chuột cắn vân vân

(1) Bậc A-la-hán đặc Niết-bàn nhưng không có thần-thông.

(2) Pháp phân tích có 4.....

trong khoản 7 ngày (*Idaṅcidaṅca imasmim sattāha-bbhantare mā agginā jhāyatu mā udakena vuyhatu mā vātena viddharasatu ma corehi hariyatu mā undūrādīhi khajjatu*).

2.— Sự chờ đợi của giáo-hội (*Saṅghapattimānanam*) nghĩa là : theo lẽ thường khi giáo-hội hành-tăng sự, nếu có ông Tỷ-khuru đến dự không kịp, giáo-hội không được phép hội hành tăng sự trước. Cho nên ông Tỷ-khuru, khi muốn nhập-định diệt, thọ, tưởng, cần phải quan-sát sự chờ đợi của giáo hội như vậy : Nếu ta nhập-định diệt, thọ, tưởng, ngồi đến 7 ngày mà giáo-hội có hành-tăng sự chi, ta phải xuất-định, chẳng cần ông Tỷ-khuru nào đến gọi ta kịp. Hành-giả khi đã nguyện như thế rồi, mới nên nhập-định diệt, thọ, tưởng, thì thường tự mình xuất-định trong khi ấy.

3.— Sự thọ lời thánh - huấn của đức Thế-tôn (*Satthu pakkosanam*) nghĩa là ông Tỷ-khuru nên quan-sát đến thánh ngôn như vậy : Nếu ta nhập-định diệt, thọ, tưởng, ngồi đến 7 ngày, đức Thế-Tôn có chế-định điều học chi, hoặc sẽ thuyết-pháp do nguyên - nhân nào, ta phải xuất định ngay, không cần ông Tỷ-khuru nào đến gọi kịp.

Hành-giả liệu tính trước như thế rồi mới nên nhập-định diệt, thọ, tưởng, thì hằng tự mình xuất-định được lập tức trong khi hữu sự.

4. — Sự quyết-định thì giờ của sanh mạng (Taddhānaparicchedo) nghĩa là : Hành-giả nên quan-sát trước rằng : Sanh mạng ta thọ được đến 7 ngày hay chẳng ? Quan-sát như thế rồi, mới nên nhập-định mà không quan-sát đến sanh mạng trong thời gian 7 ngày, thì sự nhập-định diệt thọ tướng của ông Tỷ-khưu cũng không thể ngăn ngừa sự chết được. Cho nên hành-giả phải quan-sát đến sanh mạng trước rồi, mới nên nhập-định. Phận sự ấy, hành-giả phải nguyện quan-sát, bỏ qua không được.

V) Người chết với bậc thánh-nhơn nhập-định diệt thọ tướng, khác nhau như thế nào ?

Đ) Người chết thân, khẩu, ý, luôn cả sanh-mạnh cũng đều diệt, ôn-độ của chất lửa, và lục-căn, cũng thấy đều đều dứt mất. Về bậc thánh-nhơn nhập-định diệt, thọ, tướng, chỉ diệt thân, khẩu, ý thôi, nhưng sanh mạng vẫn còn, luôn đến ôn-độ của hỏa-đại và lục-căn cũng chưa dứt, chưa phân tán.

Sự nhập-định diệt, thọ, tướng, của bậc thánh-nhơn chỉ dùng Niết-Bàn làm cảnh-giới thanh-tịnh, đó là món quả-báo thứ 3 của pháp tuệ-niệm.

Người được gọi là : 1) Bậc đáng thọ lãnh 4 món vật-dụng của tín-thí ở phương xa đem đến dâng cúng cho những người có giới-hạnh (Āhuneyya). 2) Bậc đáng thọ lãnh của tín-thí, mà họ

dành để cho thân quyến, cùng bậu bậu ở khắp nơi (Pāhuneyya). 3) Bậc đáng thọ lãnh của tín-thí, tin lý nhân-quả đem đến dung cúng (Dakkhineyya). 4) Bậc đáng cho chúng-saṅg lễ bái (Añjali-karaneyya) ấy là chỉ về 4 hạng thánh-nhơn đã đắc thánh-tuệ nhưt là bậc tu-đà-huòn.

Bậc tu-đà-huòn (1) còn thọ sanh nhiều lắm là trong 7 kiếp nữa (Sattakhattuparama) chỉ về bậc thánh-nhơn có ngũ-căn : (tin-căn, tuệ-căn, tấn-căn, định-căn, niệm-căn), và pháp minh-sát còn non, nên phải thọ sanh lên nhân-cảnh đến 7 kiếp nữa, mới chứng A-la-hán quả, đoạn tuyệt các điều khổ não được.

Hạng thứ nhì.— « Ra khỏi giòng nhập vào giòng (Kolankola) là chỉ về bậc thánh-nhơn có ngũ-căn bậc trung, luôn đến pháp minh-sát cũng bậc trung còn phải thọ sanh 2 hoặc 3 kiếp nữa mới đoạn những thống-khổ được.

Hạng thứ ba.— « Chỉ còn gieo giống một lần nữa » (Ekabījī) là chỉ về bậc thánh-nhơn đã đều đủ ngũ-căn, luôn đến pháp minh-sát cũng thuần-thục, chỉ còn thọ sanh làm người một kiếp nữa, thì được hoàn-toàn giải-thoát. Tư-đà-hàm (2) (Sakidāgāmi) là bậc thánh-nhơn còn thọ sanh trong

(1) Dịch là : Nhập-lưu là vào dòng thánh.

(2) Dịch là nhưt-lại (còn trở lại một kiếp nữa).

thế-gian này một kiếp nữa, chỉ về hạng thánh-nhơn đã tu phép đạo-tuệ thứ nhì, còn phải trở lại làm người một kiếp nữa mới thoát-ly khổ-hải được. A-na-hàm (1) (Anāgāmi) chỉ về hạng thánh-nhơn đã tu pháp đạo-tuệ thứ 3, hằng sanh lên một trong 5 cõi trời tịnh-phạm (2). Các ngài chẳng còn thọ sanh làm người trong cõi thế-gian này nữa, chỉ nhập Niết-Bàn trong cõi tịnh-phạm ấy một lần. A-na-hàm có 5 bậc :

- 1) Các ngài thọ-sanh trong một cõi tịnh-phạm nào, nhưng chưa đến nửa đời rồi nhập Niết-Bàn trong nơi ấy (Antarāparinibbāyi).
- 2) Các ngài cư-trú trong nơi ấy qua khỏi nửa đời rồi mới nhập-diệt (Upahaccaparinibbāyi)
- 3) Các ngài hành cho đến phát-sanh A-la-hán đạo trong tâm được dễ dàng, không cần phải tinh-tấn khó khăn (Asaṅkhāraparinibbāyi).
- 4) Các ngài tu A-la-hán đạo được phát-sanh trong tâm do sự tinh-tấn nhiều (Sasankhāraparinibbāyi).

(1) Bất-lai (chẳng còn trở lại trong cõi này nữa).

(2) Ngũ-tịnh phạm thiên : Vô-phiền-thiên, vô-nhiệt-thiên, vô-thiện thiên, vô-kiến-thiên, sắc cứu-cánh-thiên (Avihā, akappa, sudassa, sudassi, akanitthā).

5) Các ngài sanh lên một trong năm cõi tịnh-phạm-thiên (1), khi mạng-chung rồi thọ sanh trong một cảnh tịnh-phạm-thiên bậc trên nữa, cho đến tột 5 cõi tịnh-phạm-thiên rồi, mới nhập-diệt trong cõi ấy (Uddhisotakanitthagami).

A-la-hán (2) là bậc đã thoát-ly tất cả phiền-đảo (arahanta) chỉ về bậc A-la-hán quả.

Sự được chứng bậc thánh-nhân theo thứ tự thấp cao ấy là vì tu pháp thập độ thiếu sót hoặc đầy đủ theo mỗi bậc; đó là món phước-báu thứ tư của pháp tuệ-niệm.

Cả 7 pháp thanh-tịnh như đã giải đây, nói theo pháp Tam-học là : Giới, định, tuệ thì như vậy :

Gới thanh-tịnh kê vào phần giới.

Tâm thanh-tịnh kê vào phần định.

5 pháp thanh-tịnh sau, kê vào phần tuệ.

Diễn giải tóm tắt 7 pháp Thanh-tịnh, luôn đến sự phước-báu của pháp tuệ-niệm đến đây là dứt.

DỨT THANH-TỊNH KINH

(TÓM TẮC)

(1) Tịnh-phạm-thiên nghĩa là : cõi trời phạm-thiên tột cao, là nơi ký trú của hạng thánh-nhân trong sạch là bậc A-na-Hàm.

(2) A-la-hán dịch là vô-học.

TRÍCH LỤC TRONG

(PAPAṆCAPASŪTANĪYA)

BẢY NGUYÊN-TẮC TRỌNG YẾU

*Làm cho phát-sanh thiện-định và trí-tuệ, phổ
đông đến tất cả hạng hành-giả.*

BẢY NGUYÊN-TẮC ĐÓ LÀ :

- 1) Nguyên-tắc chữa sửa tính hay quên.
- 2) Nguyên-tắc chữa sửa tính ngu độn.
- 3) Nguyên-tắc chữa sửa tính lừa dối.
- 4) Nguyên-tắc chữa sửa tâm buồn bực.
- 5) Nguyên-tắc chữa sửa sự không hài lòng.
- 6) Nguyên-tắc chữa sửa tâm không kiên-cố.
- 7) Nguyên-tắc chữa sửa tính không trung-dung (1)

Bảy điều : hay quên, ngu-độn, lừa dối, buồn bực, không hài lòng, không kiên-tâm, tính không trung-dung, toàn là tội lỗi nặng nề, như sự quên mình, nếu có trong người nào, người đó hằng bị thất bại nhiều điều lợi ích, nhất là sự học hành

(1) Giỏi và thường, không bất cập, không thất quá.

không được tiến-hóa, vì học chận đầu rồi quên chận chót, khi thi cử, không nhớ được bài học thì rớt.

Vậy những nguyên-tắc chữa sửa các điều đó toàn là pháp rất quan-trọng.



I.— NGUYÊN-TẮC CHỮA SỬA TÍNH HAY QUÊN

- 1) Phải biết mình trong mỗi sát-na : đứng, đi, ngồi, nằm, ăn, uống, làm, nói, suy tính, không cho tâm phóng túng, là trong khi đứng, phải nhớ « ta đứng, ta đứng », vừa biết mình, không buông thả, rồi, mới khởi làm công việc mà mình cần dùng tiếp theo. Khi mình đi, hoặc ngồi, nằm, ăn, uống, làm, nói, nghỉ, cũng phải có sự biết mình, như đã giải trong lúc mình đứng.
- 2) Phải xa người hay quên, vì sẽ làm cho mình phải quên theo.
- 3) Chỉ nên gần người có tâm ghi nhớ nhiều, vì sẽ làm cho mình ghi nhớ chơn-chánh theo, nghĩa là người đó sẽ giúp đỡ, nhắc nhở mình trong lúc mình quên, hoặc khi mình thấy người có sự ghi nhớ chơn-chánh, mình tự hồ thăm, rồi cố-gắng, cho mình ghi nhớ thêm lên.

- 4) Phải chú tâm trong sự ghi nhớ, là dạy mình thường thường rằng : « ta phải tự-hóa cho thành người ghi nhớ bền chắc ».

Khi đã hành đủ bốn điều đó rồi, sẽ có tâm ghi nhớ kiên-cố, không quên mình trong điều mà mình đã làm rồi, hoặc nói rồi và học rồi.



II.— NGUYÊN-TẮC CHỮA SỬA TÁNH NGU-ĐỘN

- 1) Phải chú-tâm học hỏi những điều mà mình không rõ, không vừa lòng.
- 2) Phải gìn giữ sự sạch sẽ cho chơn-chánh, đừng để thân-thể, y-phục, vật-dụng và chỗ ở dơ bẩn.
- 3) Phải tu hành 5 pháp : đức-tin, tinh-tấn, trí-nhớ, thiền-định, trí-tuệ cho đồng, đừng cho hơn kém nhau.
- 4) Phải xa người dốt nát là người không có sự từng trải, vì sẽ làm cho mình ngu-dốt theo.
- 5) Phải gần người thông-minh, có nhiều kinh-nghiệm, vì sẽ làm cho mình có khiếu thông-minh theo.
- 6) Phải chú-tâm trong khi tiếp-xúc các nhân-quả, là khi gặp gỡ cái chi, mà mình chưa

hiều rõ gốc ngọn, phải tìm nghĩ cho biết, đừng bỏ qua.

7) Phải chú-tâm trong pháp làm cho mình phát sanh trí-tuệ — bất cứ là điều chi — phải tìm hiểu cho thấu. Thí-dụ như sự nhúm lửa: mỗi khi nhúm lửa, phải nghĩ xét rằng: làm thế nào cho lửa mau cháy, xét cho đến khi hiểu rõ, vừa lòng, trong sự nhúm lửa đó, cho được.

Khi đã nành theo 7 nhân đó rồi, mình sẽ sửa được tính ngu-ngốc, trở nên thông minh, chắc thật.



III.— NGUYÊN-TÁC CHỮA SỬA TÍNH LƯỜI BIẾNG

- 1) Phải tưởng đến tội của tính lười biếng rằng: Sự lười biếng là điều không tốt, nó chỉ làm cho người thấp hèn thôi.
- 2) Phải nhớ đến đức của sự siêng-năng rằng: sự cần-lao hăng làm cho người được tốt đẹp, được yên vui, được tiến-hóa mãi mãi.
- 3) Phải xét đến sự hành-trình của con người rằng: « con đường đi để tìm sự hiểu biết chơn-ly, sự an-vui, sự tiến-hóa, không phải dễ-dàng đâu — Kẻ lười-biếng không có thể

đi theo được, chắc thật » — Khi đã xét thấy như thế rồi, phải tự-hóa rằng : « ta phải cần mẫn, ta phải bền chí, kiên-tâm, không nên ngã lòng, thối chuyên.

4) Phải tôn-trọng đối với thực-phẩm mà mình dùng, nghĩa là trong mỗi sát-na thọ thực, phải xét rằng : thực-phẩm này không phải để cho người khác-nhón dùng đâu, vì là vật có lên do sự siêng-năng của người, như cơm mà người được dùng hằng nhờ kẻ nông-phu làm ra, xiết bao cực-nhọc ; khi đã nghĩ như thế rồi, phải nhớ tự-hóa rằng : « Ta phải siêng-năng, không nên bỏ-thờ, hồ-hững đâu ».

5) Phải nhớ đến tài-sản mà mình đã được từ sự tinh-tấn là của cải về đời và phần đạo rằng : « nếu ta lười-biếng thì không bao giờ ta được của thế-gian và xuất-thế, chắc thật ».

6) Phải nghĩ đến lời thầy chỉ bảo sự hiểu biết cho ta rằng : « những bậc đó điều là hạng thông rõ chơn-chánh, toàn là người mong mỗi cho ta trở nên tốt lành, không muốn cho ta thấp hèn đâu ».

7) Phải tưởng rằng : « ta là loài người, cao thượng hơn cầm thú, ta không nên lười-biếng, không nên làm cho thất lợi, như cầm thú đâu ».

- 8) Phải nhớ đến bậu bạn tinh-tấn, đã được thông-minh, tốt lành, yên-vui, tiến-hóa rằng : họ toàn là người siêng-năng cả.
- 9) Phải xa người biếng-nhác, gần kẻ siêng-năng.
- 10) Phải chăm chú trong sự cần-mẫn, vừa lòng trong sự khó nhọc. Phải gớm-ghê tính cầu-thả, biếng lười, như nhớm-gớm vật dơ bẩn vậy.

Khi đã hành theo 10 điều đó rồi, sẽ diệt trừ được tính lười biếng. Nếu giáo-hóa kẻ khác, nhưt là con cháu cho trở thành người cần-mẫn, cũng phải huấn-luyện theo 10 pháp đó, nhưng phải từng trải trong sự giáo-hóa, là đừng bắt buộc ngay, phải dùng phương-tiện dạy hăng lời hỏi dần dần, như hỏi trong khi dùng cơm, hoặc sau lúc đã ăn rồi, rằng :

« Này ! Thực - phẩm mà ta dùng đây là của người nhác-nhớn, hay, của kẻ siêng-năng làm ra ? Nếu chúng nó nói chưa vừa ý, thì nên giải cho chúng nó nghe, rồi hỏi nữa coi chúng nó sẽ đáp thế nào ? Nếu đáp không trúng cũng đừng nói, cố-gắng hỏi nữa, cho đến khi chúng nó trả lời trúng rằng là của người khéo léo làm ra, rồi sẽ hỏi nữa : Các con siêng năng hay biếng-nhác ? Nếu chúng nó nói : « Phải là người chăm chú », rồi mình chờ xem coi chúng nó siêng thật hay chẳng ? ».

IV.— NGUYÊN-TÁC CHỮA SỬA TÂM BUỒN BỰC

- 1) Phải nghĩ đến điều lành của mình và của kẻ khác mà mình nhận rằng: « ta đã làm việc phải như vậy, trong khi đó... cần nhớ đến sự hành - vi chơn - chánh của mình, hoặc những điều mà mình đã giúp đỡ kẻ khác, như đã cho vật này, món kia đến người. Hãy nhớ đến điều tốt của người mà mình kính - mến, như cha mẹ, thầy tổ rằng: Các bậc đó, đều có làm việc lành để dành rất nhiều.
- 2) Phải nghĩ đến việc lành của kẻ khác rằng: họ được tốt, được vui do đức-tính nào, đức-tính đó ta cũng có vậy. — Điều này ám-chỉ rằng: tưởng đến người lành là để cho ta được vui thích. Ta phải điều tra tính tốt của người đó trước, rồi xét đến ta rằng: ta có đức-tính đó như họ chẳng? Nếu thấy ta được tốt như người rồi đem so sánh người với ta.
- 3) Phải tưởng đến đức của Niết Bàn rằng: Niết-Bàn không có sự buồn rầu, khổ-não đâu, chỉ có sự vui thôi.
- 4) Không nên gặp người khổ-não. Phải gần kẻ thường được yên-vui, vì sẽ làm cho mình được vui theo.

- 5) Chỉ phải nhớ đến vấn-đề an-vui mà mình đã nghe từ nơi kinh hoặc từ kẻ khác, hoặc chuyện làm cho mình đã được vui thích.
- 6) Phải chú-tâm trong sự vui-thích, cho đến khi tâm hăng được thơ-thời, ám-chỉ rằng: trong điều này dạy phải tập luyện cho mình được vui, là khô.

Khi đã hành theo 6 điều đó rồi, sự phiền muộn, buồn rầu, bất bình trong lúc bình hoạn, hoặc trong cơn đói kém, hoặc khi chia lìa nhân-vật trứu mến, sẽ tiêu tan.

Tâm càng an-vui thì làm việc chi cũng sẽ được như nguyện,



V.— NGUYÊN-TẮC CHỮA SỬA SỰ KHÔNG HẠI LÒNG

- 1) Phải dùng những thực-phẩm vừa với thân thể của mình, nghĩa là thực-phẩm không làm cho khó chịu, không làm cho yếu sức và không nên ăn quá độ.
- 2) Phải tìm ngụ trong nơi có khí-hậu vừa với đặc-tính của mình (nóng, ẩm, lạnh cho hợp với tứ đại của mình).
- 3) Phải tìm oai-nghi an-vui, là mình hợp với oai-nghi nào nhiều, thì dùng oai-nghi đó cho vừa.

- 4) Phải giữ tâm bực trung, đừng tham, sân, trong khi mình hoặc người có khổ, nguy hay vui, tiến, Phải nhớ nghĩ đến cái nghiệp là trọng rằng: Đây là cái nghiệp của mình, của người.
- 5) Nên xa người dữ hay làm khó, làm hại kẻ khác. Phải gần người lành, có tâm yên lặng.
- 6) Phải chú-tâm trong đường an-tĩnh thân và tâm, là phải tu tập cho đến khi tâm yên-lặng.

Khi đã hành theo 6 pháp đó rồi, thân tâm sẽ được yên-vui.



VI.— NGUYÊN-TẮC CHỮA SỬA TÂM KHÔNG KIÊN-CỐ

- 1) Phải giữ sự sạch-sẽ cả bên ngoài và bên trong, nghĩa là làm cho thân-thể, y-phục, vật dụng, chỗ ở, cho sạch-sẽ đồng nhau.
- 2) Phải hành 5 đức-tánh này cho có trong mình:
 - a) Đức-tin.
 - b) Tinh-tấn.
 - c) Trí-nhớ.
 - d) Thiên-định.
 - e) Trí-tuệ.

Cho đồng, đừng cho hơn kém nhau.

3) Phải có khiếu thông-minh trong sự phân biệt những cái mà mình thấy, đừng bỏ qua.

4) Phải chú-tâm cho bền chắc, cho vui thích, và kèm tâm cho vừa, đừng dễ thái quá, phóng túng, nghĩa là nếu tâm thối chuyển thì tìm cho thấu nguyên-nhân làm cho tâm lui sụt, khi đã thấy, phải diệt trừ ngay. Phải nhớ nghĩ điều làm cho tâm kiên-cố — Về phương-pháp cho tâm vui thích cũng vậy.

5) Nếu thấy tâm an-trú chơn-chánh, phải giữ tâm trung-lập, đừng cho trời sụt.

6) Phải xa người phóng túng, gần bậc an-lĩnh, làm việc phải cho đúng đắn.

7) Phải nghĩ đến những việc mà mình định sẽ làm, rồi hành cho đến khi đạt mục-dịch, nhưng phải ở trong đường đạo-đức.

8) Phải chú-tâm cho vững chắc luôn luôn.

Khi đã hành theo 8 điều đó rồi, mình sẽ có tâm kiên-cố, thật.



VII.— NGUYÊN-TẮC CHỮA SỬA TÂM KHÔNG TRUNG-DUNG

1) Khi mình hay người gặp khổ, được vui, phải nghĩ rằng : Đây là do nghiệp dữ hoặc nghiệp

hành của mình và của người; hoặc xét rằng không phải chúng-sanh, người, chịu khổ, được vui đâu, chỉ là từ-đại thôi.

- 2) Phải tưởng rằng: « Không có ai là chủ của cái chi cả, chỉ là cái để dùng trong chút lát thôi — hoặc nghĩ rằng: tất cả cái đó toàn là cái tạm thời thôi, không lâu dài đâu ».
- 3) Xa người hay dính mắc (gặp đâu ưa thích đó)
- 4) Chỉ nên gần người có tâm trung-lập trong các sự vật, như là bậc không có tâm thiên-vị, vi thương, vi ghét.
- 5) Phải chú-tâm bực trung. Phải luyện-tập cho đến khi phát-sanh tâm vô-ký chơn-chánh.

Khi đã hành theo 5 pháp đó rồi, sẽ chữa sửa cái tâm không vô-ký cho trở nên trung-dung được.

Xin nhắc lại rằng: nếu người mình không lầm lạc, không ngu-ngốc, không lười-biếng, không buồn lòng, không hài-lòng, không kiên-cố, không trung-dung, thì rất cao quý, làm việc chi hăng được như nguyện, không sai.

Nhân đó, xin hành-giả hãy tinh-tấn hành cho được, theo 7 nguyên-tắc đã giải đây, hầu đạt được mục-dịch giải-thoát, không sai.

DỪT PHÁP TRÍCH-LỤC

Phật ngôn :

Con người thường bị lòng tham nó dục, nên chạy chỗ này, chỗ kia, như con dê, bị chúng rượt. Một phen đã bị cái tham nó buộc rồi, thì nạn khổ nó dồn dập trên mình mãi lâu. Nhà họ đạo, muốn giữ gìn trong sạch, phải đuổi xa sự tham.



Ở đâu có ngay-thật là có đạo-đức, ở đâu có đạo-đức là có ngay-thật, và đạo-đức của người ngay-thật với sự ngay-thật của người đạo-đức đều là sự ngay-thật và đạo-đức quý báu hơn hết ở đời này.



Không nên dòm lỗi người, không nên xem họ làm cái chi hay họ quen cái chi, mình hãy lấy mắt dòm lại lỗi mình, dòm coi mình làm những việc gì và quên những điều gì.



Phật dạy, này các Tỷ-khưu! Dầu các trò vi lễ gì mà khổ, các trò cũng chẳng nên làm khổ kẻ khác.



Bước từng bước, làm từng việc, giữ từng giờ, đáng hiền nhân hăng dọn mình cho thật trong sạch, dứt bỏ những sự dơ bẩn (tội lỗi) cũng như người thợ bạc thếp vàng vậy.

Nhà học đạo, giờ khắc nào cũng phải đề-dặt, cẩn-thần và để ý coi chừng lời nói, việc làm và tư-tưởng mình luôn. Dầu cho là ngày chót của kiếp mình, mình cũng giữ làm tròn phận sự.



Lời nói ngay-thật là điều cần-yếu thứ nhất, lời nói hòa-nhã là điều cần-yếu thứ nhì, lời nói hiền lành là điều cần-yếu thứ ba, lời nói hữu-ích là điều cần-yếu thứ tư.



Sự ham muốn và lòng luyến-ái nó nảy sanh ra nơi mình và toan lẩn lướt mình, mình phải đánh ngã nó ngay, lúc nó mới phát sanh lên.



Nghĩ đến cái chết, đến cái đời mo-hồ, không biết mình sống bao lâu và không biết thời-thế nó xảy ra cho mình thế nào, nghĩ như vậy, khiến mình ở theo chân-lý.

Nghĩ rằng : nhân quả liên tiếp nhau không bao giờ sai chạy, nghĩ như vậy, khiến mình lánh xa những điều tội lỗi.

Nghĩ đến chỗ giả dối, đến sự ngăn-ngủi của đời, mình đem so với các đời sau, khiến mình lo mà giải-thoát.

Nghĩ rằng : chúng-sanh chất chứa trong lòng những mối dục-vọng xấu-xa, những sự bất công

giả trá. Nghĩ rằng: Rất khó mà chặt đứt tình-dục, nghĩ như vậy, khiến mình tham-thiền nhập-dịnh để đạt đến chân-ly.



Tánh nết có chỗ chê, mà mình không chịu sửa, thì mình rất lỗi lầm.



Nhìn chúng-sanh bằng cặp mắt vô tư, tỏ ra người cao-thượng.



Bao giờ mình bỏ nơi ở chung chạ với đời, đi ở yên trong nơi êm-tịnh thì mình nên mừng



Không thật có ý-chỉ thì gây thêm nhiều điều lầm-lạc và làm cho sự đã lầm-lạc từ trước trở lại; còn thật có ý-chỉ thì chẳng những khỏi lầm-lạc thêm mà lại còn dứt được các lầm-lạc từ trước nữa.



Giữa cơn đông-tổ, mấy hòn núi cao vẫn đứng vững; người hiền cũng thế, mặc ai khen chê, mình vẫn tự-nhiên.

HẾT